

## ***Bước Khởi Đầu Trong Liên Hệ Hoa Kỳ-Việt Nam:***

# ***THOMAS JEFFERSON và HOÀNG TỬ CẢNH***

### ***Trần Đông Phong***

Việc người Mỹ dính dáng đến Đông Dương không phải chỉ khởi đầu từ khi ông Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở Việt Nam vào tháng 7 năm 1954, không phải từ những năm đầu của thập niên 1940, trước khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc mà còn xa hơn nữa, từ thời Chúa Trịnh Chúa Nguyễn và thời Gia Long và Minh Mạng.

Kể từ sau khi Hiệp định Genève được ký kết vào ngày 20 tháng 7 năm 1954 cho đến rạng sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi người lính Mỹ cuối cùng, Trung sĩ *Juan Valdez* thuộc Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ rời khỏi Việt Nam, trong hơn 20 năm, Hoa Kỳ đã đóng một vai trò vô cùng tích cực, có thể nói là một vai trò có tính cách quyết định trong các lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và nhất là quân sự tại quốc gia Việt Nam Cộng Hoà. Trước đó một ngày, vào ngày 29 tháng 4 năm 1975, Đại sứ Hoa Kỳ cuối cùng tại Việt Nam Cộng Hoà, ông *Graham Martin*, đã đến thăm Cụ Trần Văn Hương, vị tổng thống hợp hiến hợp pháp cuối cùng của Việt Nam Cộng Hoà, để mời Cụ ly hương thì Cụ Trần Văn Hương đã từ chối và có nói với Đại sứ Martin rằng: “*Đã đến đổi như vậy thì Hoa Kỳ cũng có phần trách nhiệm trong đó.*”

Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã không có trách nhiệm, vai trò này của Hoa Kỳ đã không diễn ra, hai cuộc chiến tranh Đông Dương cũng đã không xảy ra nếu mà Tổng Thống Hoa Kỳ *Franklin Delano Roosevelt* đã không đột ngột từ trần vào mùa Xuân năm 1945, chỉ 4 tháng trước khi Nhật Bản đầu hàng; cũng có thể đã không xảy ra nếu mà vào đầu thế kỷ thứ 19, Vua Gia Long biết được rằng người con trai của ông là *Hoàng Tử Cảnh* đã có một thời từng quen biết với một nhân vật nổi tiếng của nước Mỹ, vào năm 1801 khi Vua Gia Long thống nhất sơn hà tại Việt Nam thì nhân vật đó cũng trở thành vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ, đó là Tổng Thống *Thomas Jefferson*; và tình hình Việt Nam cũng có thể đã có nhiều thay đổi nếu mà Vua Minh Mạng chịu ký kết hiệp ước giao thương với ông *Edmund Roberts*, đặc sứ của Tổng Thống Hoa Kỳ Andrew Jackson vào giữa thập niên 1830.

### ***Trước Thế Kỷ thứ 17***

Không rõ người Tây phương đầu tiên đến Việt Nam từ bao giờ nhưng theo tài liệu còn lưu trữ được thì hình như người Âu châu đặt chân lên vương quốc *Champa* (Chiêm Thành,) phần đất mà sau này sẽ là miền Trung Việt Nam, là nhà du hành

người Ý *Marco Polo* vào năm 1285, dưới thời nhà Nguyên bên Trung Hoa và nhà Trần tại Việt Nam.

Sau đó, từ thế kỷ thứ 16 cho đến thế kỷ thứ 19, nhiều nhà hàng hải, nhiều thương gia thuộc các nước Âu châu và ngay cả Mỹ châu cũng đã có đi ngang qua hoặc ghé đến vùng đất mà sau này được gọi là *Cochin-China* (Xứ Đàng Trong) với mục đích trao đổi thương mại.

Năm 1519, *Ferdinand de Magellan* gốc Bồ Đào Nha nhưng phục vụ cho vua nước Tây Ba Nha, dẫn một đoàn 5 chiếc thuyền buồm vượt qua Đại Tây Dương, vòng qua cực nam châu Mỹ, bây giờ được mang tên là Mũi Magellan, rồi tiến vào một đại dương khác. Thấy vùng biển này gió yên biển lặng, Magellan đã đặt tên là *Pacific Ocean* (Thái Bình Dương) rồi sau đó, vào năm 1521, đến một vùng quần đảo ở Nam Thái Bình Dương mà ông gọi là Cebu. Tuy nhiên trong một cuộc xung đột với thổ dân, ông bị giết chết cùng với một phần lớn trong đoàn thám hiểm này, chỉ còn một chiếc thuyền duy nhất cùng với 15 thủy thủ dưới quyền chỉ huy của *El Cano* vượt qua được Ấn Độ Dương và trở về đến Tây Ba Nha vào năm 1522. Năm năm sau đó, vua nước Tây Ba Nha là *Charles Quint* đã gửi một đạo thủy quân hùng hậu sang chiến nhóm quần đảo đó rồi lấy tên con trai là Hoàng Tử Philippe để đặt tên cho quần đảo này là *Philippines* và người Tây Ba Nha đã cai trị nước này trong 370 năm. Từ Phi Luật Tân, có nhiều giáo sĩ Tây Ban Nha đã sang Việt Nam giảng đạo và người đầu tiên có lẽ là *Inigs Ignatio* (I-Nê-Khu) đến giảng đạo ở trấn Sơn Nam, tức là vùng Nam Định ngày nay, vào năm 1533 nhưng sau đó bị Mạc Đăng Doanh đuổi về Phi Luật Tân.

Theo cuốn “*Relation de la Nouvelle Mission des Pères de la Compagnie de Jesus au Royaume de la Cochinchine*” của *Christoforo Borri*”<sup>1</sup> thì nhà truyền giáo người Tây Phương đầu tiên đến vùng đất sau này là Việt Nam là giáo sĩ *Odorico de Pordenone* khi ông ta ghé vào nước Chiêm Thành dưới thời Vua *The-A-Nan* (1318 – 1342) trên đường sang Trung Hoa và đến năm 1533, vào thời Vua *Lê Trang Tông* thì có người “*Dương nhân*” (homme de l’océan,) có lẽ là *Inigs Ignatio*, nhân danh Jesus (Gia Tô) đến truyền đạo tại huyện Nam Chân và Huyện Giao Thủy tỉnh Sơn Nam, bây giờ là Nam Định. Tuy nhiên theo Khâm Định Việt Sử thì vào thời Vua *Lê Trang Tông*, từ năm 1553, triều đình đã có ban chiếu chỉ cấm việc truyền đạo Thiên Chúa giáo tại Việt Nam.

*Sanford Wexler*, tác giả cuốn “*The Vietnam War: an Eyewitness History*” cho biết sau khi *Vasco da Gama* thành công trong việc vượt qua Mũi Hảo Vọng (Cape of Good Hope) ở Phi châu để đến Ấn Độ vào năm 1498, nhà hàng hải này đã mở một con đường trực tiếp cho người Tây phương đi sang Á châu. Sau đó người Bồ Đào Nha đã mở những thương điểm tại vùng bờ biển Ấn Độ rồi tiến dần sang phương Đông, chiếm một vài khu vực ở Mã Lai (Malacca) làm tiền đồn cho việc mở đường để tiến

sâu vào vùng Biển Trung Hoa nhằm bành trướng nền thương mại của họ trong toàn vùng Á châu.

Theo một tài liệu của người Pháp thì vào đầu thế kỷ thứ 16, năm 1516, có một nhà hàng hải người Bồ Đào Nha tên là *Fernao Perez de Andrade* đã đến tận bờ biển Việt Nam, tuy nhiên tài liệu này không nói rõ người Bồ này có lên thăm viếng đất liền hay không.

Năm 1535, Thuyền Trưởng *Antonio de Faria*, người nước Bồ Đào Nha (Portugal) và cũng là một trong tùy tướng của Vasco de Gama, đã chỉ huy một chiếc thương thuyền ghé vào *Vịnh Tourane*, bây giờ là thành phố Đà Nẵng, và ông ta đã tìm thấy một địa điểm thích hợp để cho tàu cập bến, đó là hải cảng *Faifo*, bây giờ là Hội An, cách Đà Nẵng khoảng 15 dặm về phía nam.

Đến cuối thế kỷ thứ 16, vào năm 1596, một vị thầy dòng người Tây Ba Nha tên là *Don Diego d'Avete* đã đặt chân đến Huế nhưng sau đó không rõ vì lý do gì ông ta lại bị Chúa Nguyễn đuổi đi.

### ***Nguồn Gốc Chữ “Cochin-China”***

Tuy Thuyền trưởng De Faria đã không thành công trong việc biến Faifo trở thành một căn cứ thương mại quan trọng của họ như là Goa ở Ấn Độ hay là Malacca, nhưng cho đến năm 1540 thì Faifo đã trở thành một hải cảng chính để đưa hàng hóa ngoại quốc vào “*Cauchi-China*,” cái tên mà người Bồ Đào Nha dùng để gọi nước Việt Nam lúc bấy giờ.

Có nhiều người cho rằng “*Cauchi*” là do chữ “*Giao Chi*” (Kiao-tche), cái tên mà ngày xưa người Trung Hoa dùng để gọi người Việt Nam và người Bồ Đào Nha đã thêm vào chữ “*China*” để phân biệt với một thành phố tên là “*Cochin*,” một thuộc địa của họ ở Ấn Độ. Về sau thì người Pháp đã dùng chữ “*Cochin-chine*” này để gọi xứ Nam Kỳ là thuộc địa của họ, còn hai xứ bảo hộ là Trung Kỳ thì họ gọi là Annam và Bắc Kỳ là Tonkin. Tuy nhiên họ lại dùng chữ “*Annamite*” để nói chung cho tất cả mọi người Việt Nam dù sống bất cứ tại vùng nào.

Trong một bài nghiên cứu nhan đề “*Ý Nghĩa Chữ Cochichine*,” Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên đã không hoàn toàn đồng ý với giả thuyết cho rằng “*Cochin*” là do chữ “*Giao Chi*”, ông cho rằng thật ra “*Cochin*” lại do chữ “*Cửu Chân*” mà ra.

Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên dựa vào cuốn sách “*Cochinchina: Reassessment of the Origin and Use of a Westernized Place Name*” của Tiến sĩ Dinh D. Vu, bản dịch tiếng Việt của Bác sĩ Hoàng Xuân Chính (Meadows Place, Texas, 2000), cho biết rằng ông *Aurousseau*, Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội (1924) đã đưa ra giả thuyết cho rằng trước năm 1515, người Bồ Đào Nha và người Âu châu chưa biết đến nước Việt Nam, do đó sự hiểu biết của họ về nước này có thể là từ người Ả Rập. Ông

chứng minh rằng chữ Cochinchina là do chữ Bồ đào-nha “*Quachymchyna*” và chữ này lại bắt nguồn từ chữ Ả-Rập “*Kawci-min-cin.*” Theo ông thì chữ “*Kawci*” là chữ Ả-Rập tương đương với chữ “*Kiao-tche*” là tiếng Tàu chỉ nước Việt Nam thời đó (Giao Chỉ), còn từ ngữ “*min-cin*” có nghĩa là thuộc Trung Hoa, do đó nhiều người đã theo Arousseau mà cho rằng chữ “*Cochin*” là do chữ “*Giao Chỉ*” mà ra, tuy nhiên ông Arousseau đã không đưa ra được một bản đồ để chứng minh cho thuyết của ông.

Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên cho biết thêm rằng nguồn gốc chữ “*Cochin*” có lẽ xuất phát từ chữ “*Chanocochin*”, một địa danh trên bờ biển Malabar của Ấn Độ mà người Bồ Đào Nha đã từng biết đến từ thế kỷ thứ 15 và họ đã phiên âm lại thành nhiều chữ như “*Colchi*,” “*Cocym*” hay “*Cochin*” rồi những nhà vẽ bản đồ sau này đã mượn những chữ nói trên cho vùng đất này. Trên bản đồ do *Pedro Ribeiro*, người Bồ Đào Nha, vẽ vào năm 1529, người ta đã chuyển tên “*Cửu Chân*” trong tiếng Việt ra tiếng Bồ và ông đã gọi Vịnh Bắc Kỳ (Golfe du Tonkin) là “*Cauchechina*”. Cửu Chân là một trong 9 quận được thiết lập bởi Vua Hiếu Vũ năm 111 trước Tây Lịch, được đọc là “*Cửu Chân*” theo tiếng Quảng Đông. Biên giới của Cửu Chân được thay đổi theo thời gian nhưng tên này không thay đổi cho đến năm 1407. Đó là tên độc nhất của một khu vực hành chính rộng lớn ở Việt Nam đã được biết đến suốt 15 thế kỷ.

Kể từ năm 1529, chữ “*Cauchechina*” bắt đầu xuất hiện thường xuyên trên các bản đồ của *Gastaldi*, *Ortolio*, *Homen* và *Luis* dưới những chữ như *Gauchi*, *Cauchy* hay *Cauchin*. Cho tới năm 1565, ta thấy có dấu hiệu trở lại cách viết ban đầu khi *Berteli* dùng chữ *Cochinchina* trong bản đồ của ông. Trong nhiều thập niên hai tên kể trên xuất hiện thường xuyên, có khi đứng cạnh nhau trên cùng một bản đồ, nhưng đến thế kỷ thứ 17 thì tiếng *Cochinchina* đã vĩnh viễn thay thế địa danh *Cauchechina*.

Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên kết luận rằng giả thuyết của Arousseau không đứng vững vì *Giao Chỉ* chỉ được dùng trong giai đoạn đầu của lịch sử nước ta còn sau đó thì tiếng Cửu Chân được thay thế cho đến ngày người Tây Phương đến Việt Nam. Nhờ những cuộc tiếp xúc giữa Tây Phương và Việt Nam sau này, từ ngữ *Cauchichina* tức là “*Cửu Chân của Trung Hoa*” đã được họ dùng cho tới phần đầu của thế kỷ thứ 17. Sau đó các nhà truyền giáo thích dùng chữ *Cochinchina* hơn và đến khi người Pháp chiếm Việt Nam vào thế kỷ thứ 19 thì họ đã chính thức dùng chữ *Cochinchine* (Nam Kỳ) để chỉ 20 tỉnh ở cực Nam nước Việt Nam.<sup>2</sup>

Nhận xét của B. S. Nguyễn Lưu Viên hợp lý hơn là giả thuyết của Arousseau và vấn đề nguồn gốc của chữ “*Cochin-China*” cũng là một đề tài cần phải được nghiên cứu và soi sáng thêm. Người viết cũng xin lưu ý các nhà nghiên cứu đến một điểm trong thuyết của Arousseau khi ông nói đến ảnh hưởng của người Ả Rập vì người Ả Rập đã đến vùng Đông Nam Á châu truyền đạo “*Hồi Giáo*” (Islam) dường như từ cuối thiên niên kỷ thứ nhất hay đầu thiên niên kỷ thứ hai và có một số dân tộc như Nam Dương, Mã Lai và miền Nam Phi Luật Tân đều theo đạo Hồi. Riêng tại Việt Nam thì

có lẽ đạo này đã được truyền bá đến vương quốc Champa (Chiêm Thành) năm hay sáu thế kỷ trước khi người Âu châu đặt chân đến cùng đất này:

*“Về chứng tích ghi nhận thời điểm Islam được du nhập vào Nagar Champa, trước hết, theo truyện truyền kỳ lịch sử Chăm do E. Aymonier sưu tập trong dân gian người Chăm thì vào năm con chuột (Tý), một vị vua Champa được tôn vinh hiệu là Pô Ovlah đóng đô tại Sri Banui, có thể đã trị vì từ năm 1000 đến 1036 Tây Lịch, đã “phó thác thể xác và tâm hồn cho Đấng Trên Cao và đã sang sống 37 năm tại Thánh địa Makkah (Mecca), sau đó mới quay trở lại vương quốc...”*

*“Một số chứng tích cổ học được phát hiện, có giá trị xác tín cao về thời điểm đạo Islam đặt cơ sở trên đất nước Champa. Đó là hai mộ bia viết bằng chữ Ả-rập cổ, được P. Ravaisse tìm ra ở vùng phía Nam Champa và minh giải, tạo thành một bằng chứng vững chắc nhất về sự hiện hữu của một cộng đồng Islam trên đất Champa vào thế kỷ thứ 11.”<sup>3</sup>*

Như vậy thì có lẽ người Ả Rập là những người đầu tiên đã đến vùng đất sau này được người Tây Phương gọi là Cochinchina (Đông Dương), do đó khi nghiên cứu về nguồn gốc chữ Cochinchina, thiết tưởng cũng nên tìm kiếm thêm tài liệu viết bằng tiếng Ả-rập (Arabic) từ phía các nước Ả Rập theo Hồi Giáo.

### ***Vua Louis XIV và Chúa Trịnh***

Sang đến thế kỷ thứ 17 thì người Âu châu vào Việt Nam truyền đạo cũng như là phát triển việc thương mại lại còn đông đảo hơn những thế kỷ về trước.

Năm 1616, *Dòng Tên* (Société de Jésuites) đã cho thành lập Mission de Cochinchine (Giáo hội Truyền giáo Đàng Trong) nhằm mục đích truyền đạo tại Xứ Đàng Trong.

Theo tài liệu của Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Pháp thì *Vua Louis XIV* có gửi một bức thư và quà cho *Chúa Trịnh Tạc* (1657-1682) đề ngày 10 tháng Giêng năm 1681 đề nghị Chúa Trịnh cho phép người Pháp được truyền đạo Gia Tô:

*“Kính thưa Quân Vương tối cao, tối hảo, tối dũng và tối hào hiệp, vị bằng hữu vô cùng thân thiết và tốt bụng của chúng tôi, cầu xin Thượng Đế ban sủng cho sự vĩ đại của Ngài trọn cuộc đời hạnh phúc.*

*“Chúng tôi được nghe từ các thần dân của chúng tôi đã sống tại vương quốc của Ngài về sự bảo vệ mà Ngài đã ban cấp cho họ. Chúng tôi tán thưởng tất cả điều này nhiều hơn nữa bởi vì chúng tôi đã sẵn dành cho Ngài tất cả sự tôn kính có được đối với một vị quân vương như được minh họa qua những chiến công anh dũng và sự thán phục vì lẽ công bình mà Ngài đã thực thi tại vương quốc của Ngài.*

*“Chúng tôi cũng được thông báo rằng Ngài đã không vui lòng để ban bố sự bảo vệ tổng quát này cho các thần dân của chúng tôi, nhưng Ngài đã đặc biệt ban cấp các*

sự che chở hữu hiệu cho các ông Deydier và de Bourges. Chúng tôi ao ước rằng họ có dịp thừa nhận mọi sự ân sủng mà họ nhận được từ Ngài bằng việc dâng lên Ngài các món quà quý giá. Thế nhưng bởi chúng tôi đã trải qua nhiều năm chiến tranh trong đó tất cả các nước Âu châu đã liên kết chống lại chúng tôi, đã ngăn chặn tàu thuyền của chúng tôi đi sang Ấn Độ dương; hiện nay chúng tôi đã ở vào thời bình sau khi đã dành được nhiều chiến thắng và mở rộng vương quốc chúng tôi xuyên qua sự chinh phục nhiều địa điểm quan yếu, chúng tôi tức thời ra lệnh cho Hiệp Hội Hoàng Gia<sup>4</sup> phải hiện diện tại vương quốc của Ngài càng sớm càng tốt, và đã chỉ thị cho các ông Deydier và de Bourges ở lại bên Ngài để duy trì mối giao hảo giữa các thần dân của chúng tôi với các thần dân của Ngài, đồng thời để báo cho chúng tôi hay biết về những cơ hội giúp chúng tôi có thể xuất trình Ngài những bằng chứng về lòng tôn kính của chúng tôi và về ước muốn của chúng tôi được hòa đồng vào sự hài lòng của Ngài cũng như với các quyền lợi tốt đẹp nhất của Ngài.

“Để làm bằng cơ sơ khởi, chúng tôi đã ra lệnh dâng lên Ngài một số tặng phẩm mà chúng tôi tin sẽ làm vừa lòng Ngài. Nhưng một điều trong thế giới mà chúng tôi ao ước nhất, cho chính Ngài lẫn vương quốc của Ngài, là xin hãy để cho các thần dân của Ngài, những kẻ vốn đã sẵn tin ở định luật chỉ có một Thượng Đế chân chính duy nhất bao gồm cả đất và trời, được quyền tự do theo đạo. Bởi nay là luật tối thượng, cao quý nhất, thiêng liêng nhất và đặc biệt nhất để tạo ra các vị quân vương có quyền trị vì tuyệt đối trên người dân.

“Chúng tôi còn hoàn toàn cả tin rằng, nếu Ngài hay biết được các chân lý và chân ngôn của đạo này (Thiên Chúa giáo) rao giảng, ngay chính Ngài sẽ đem lại trước tiên cho các thần dân một gương mẫu chói rạng về việc tin đạo. Chúng tôi cầu chúc Ngài nhận được ân sủng vô lượng này cùng với thời gian trị vì lâu dài và hạnh phúc và chúng tôi cầu nguyện Thượng Đế vui lòng tăng tiến sự cao cả của Ngài bằng các thành quả vui sướng nhất.

Viết tại Saint-Germain-en Laye ngày 10 tháng Một năm 1681.

Người bạn vô cùng thân thiết và tốt bụng của Ngài.

Ký tên: Louis”

Chúa Trịnh Tạc từ chối không cho phép việc truyền đạo và đã phúc đáp quốc thư của Vua Louis XIV tóm lược như sau :

« Chúa Miền Bắc Việt Nam gửi đến Quốc Vương nước Pháp một bức thư để bày tỏ với Ngài những cảm tình tốt đẹp nhất của Chúa, cho biết rằng Chúa lấy làm vui mừng được biết rằng sự tín thủ đạo (tin và trung thành với tôn giáo) là một đức tính vững chắc của con người và rằng lẽ công bình là một điều quan trọng nhất. Do đó việc thực hành lòng tín đạo và lẽ công bình chỉ có thể mang lại các kết quả tốt đẹp mà thôi. Trong thực tế, mặc dù nước Pháp và vương quốc chúng tôi có sông núi và biên cương

khác nhau, nhưng nếu lòng tín đạo và lễ công bình bao trùm khắp làng xã chúng ta, sự điều hành của chúng ta sẽ biểu lộ tất cả thiện cảm và chứa chất những tặng phẩm quý báu.

« Sự thông tin của Ngài, đến từ một xứ sở cách xa ngàn vạn dặm và phát xuất từ trái tim, là một sự chứng nhận cho sự thành thật của Ngài, thật đáng cúi xét kỹ lưỡng và đáng ca ngợi vô cùng.

« Phép lịch sự đối với khách lạ không phải là điều bất thường tại xứ sở chúng tôi. Không có một khách ngoại quốc nào mà lại không được chúng tôi đón tiếp nồng hậu. Như thế làm thế nào mà chúng tôi lại từ chối được một người đến từ Pháp Quốc, một trong những vương quốc nổi danh nhất trên thế giới, yêu mến chúng tôi và mong muốn đến thăm viếng chúng tôi và mang hàng hóa đến với chúng tôi ? Những cảm xúc về lòng tín đạo và lễ công bình này thực sự đáng được ca ngợi biết bao !

« Liên hệ đến ước muốn của Ngài rằng chúng tôi nên hợp tác trong việc truyền bá tôn giáo của Ngài, chúng tôi không dám cho phép làm việc này bởi có một phong tục cổ truyền được ban ra bằng các chỉ dụ chính thức ngăn cấm việc này. Ngày nay, các chỉ dụ được ban hành chỉ là để thi hành một cách trung thực (cổ tục đó,) không có lòng trung thành, sẽ không có gì ổn định. Làm thế nào mà chúng tôi lại có thể xem nhẹ một tập tục đã được thiết lập vững chắc để thỏa mãn cho một quan hệ bằng hữu riêng tư ?

« Ngày nay nước Pháp mang sang cho chúng tôi hàng hóa của mình để bán hay trao đổi, nước Pháp thực hành lễ công bằng xuyên qua sự thịnh vượng của mình và thực thi lòng tín đạo... Trong cung cách này, tình hữu nghị được đặt trên lễ công bình và lòng tín đạo, và chính vì thế mà có thể bền chặt như vàng hay đá. Khi đó tại sao lại bắt buộc rằng chúng ta phải có cùng một ước muốn (tôn giáo) ?

« Chúng tôi xin Ngài hiểu rõ rằng đây là sự thông đạt của chúng tôi liên hệ đến sự quen biết hỗ tương của chúng ta. Khi đó, đây là phúc thư của tôi.

« Chúng tôi gửi đến Ngài một món quà khiêm tốn với lòng hảo tâm của chúng tôi.

*Thư này được viết vào tiết lập Đông và trong một ngày tươi đẹp. »<sup>5</sup>*

Bức thư này không thấy có ký tên nhưng Chúa Trịnh Tạc là Hoàng Tổ Dương Vương mất vào năm 1682, chỉ mấy ngày sau khi nhận được quốc thư và quà của Vua Louis XIV. Như vậy thì bức thư phúc đáp phải được viết vào thời Chúa Trịnh Căn lên ngôi năm 1682 và trị vì cho đến năm 1709.

Hai bức thư này có thể được xem như là hai lá quốc thư đầu tiên được trao đổi giữa một vị vua Âu châu và một vị chúa Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 17, mở đường cho những mối liên lạc giữa Tây Phương với Việt Nam trong những thế kỷ kế tiếp.

## **Nhiều Người Tây Phương Viết Sách Về Việt Nam**

Từ thế kỷ thứ XVII, đã có một số sách viết về Việt-Nam một cách khá tường tận, đa số là do các nhà truyền giáo Âu châu như Linh mục Cristoforo Borri, người Ý, được xem như là một trong những người Tây Phương đầu tiên viết về Việt Nam: cuốn “*Relation de la Nouvelle Mission des Pères de la Compagnie de Jesus au Royaume de la Cochinchine*” viết bằng tiếng Ý, xuất bản vào năm 1631 và về sau được dịch ra sáu thứ tiếng như La-tinh, Pháp, Hòa Lan, Đức và Anh.

Linh mục *Alexandre de Rhodes*, được người Việt Nam gọi là Đắc Lộ, đã viết cuốn hồi ký *Voyages et Missions*, có công hoàn chỉnh việc phiên âm tiếng Việt ra mẫu tự La-tinh sau này gọi là Chữ Quốc Ngữ và hoàn chỉnh việc biên soạn bộ Tự Điển Việt-Bồ-La-tinh (*Dictionnaire Annamite-Portuguais-Latin*) dựa vào hai cuốn tự điển Việt-Bồ của Linh mục *Gaspar d’Amaral* người Bồ Đào Nha biên soạn trước khi từ trần vào năm 1645 và bộ tự điển Bồ-Việt do Linh mục *Antonio Barbosa*, từ trần năm 1647, biên soạn. Như vậy thì Linh Mục Alexandre de Rhodes không phải là người duy nhất có công sáng lập ra chữ quốc ngữ như nhiều người lầm tưởng mà ông chỉ là người hoàn tất công việc này khi Hội Thánh Truyền Giáo cho xuất bản cuốn “*Tự điển An-Nam-Bồ Đào Nha và La-tinh*” vào năm 1651 tại La Mã. Linh mục A. de Rhodes cũng còn có công biên soạn bộ *Văn Phạm Việt Nam* (*Grammaire Annamite*) cũng như là cuốn Kinh Nghĩa (*Catéchisme*) tên là “*Giáo Lý 8 Ngày La-Việt*” bằng tiếng Việt và La-tinh...

Ngoài ra còn có *Sammuel Baron*, người Hòa Lan nhưng sinh trưởng tại Kẻ Chợ (Thăng Long), viết cuốn “*Description du Royaume de Tonquin*” xuất bản năm 1685 giới thiệu Xứ Đàng Ngoài v.v.

Vào đầu thế kỷ thứ 17, sau khi Nữ Hoàng Anh Elisabeth I ký bản Hiến chương thành lập *London East India Company* tức là Công Ty Đông Ấn và công ty này đã khởi đầu tìm cách buôn bán với các nước Á Đông. Vào năm 1616, Thuyền Trưởng *John Sarris* đến mở một xưởng chế tạo tại Hirado, Nhật Bản và ít lâu sau đó vị giám đốc xưởng là Richard Cocks đã gửi một chiếc thuyền buồm dưới quyền chỉ huy của *Marchand* sang Việt Nam. Chiếc thuyền này đổ bộ ở *Failo* (có lẽ là *Phố Lở*, một khu thương mại của người Minh Hương trong vùng Bao Vinh ở phía đông-bắc Phú Xuân tức là Huế bây giờ) và trong thời gian đầu thì mọi sự diễn ra vô cùng tốt đẹp, tuy nhiên ít lâu sau đó thì một thương nhân là Walter Carwarden đi lên đất liền và không rõ vì lý do gì, ông ta đã bị người Việt Nam giết chết. Hơn nửa thế kỷ sau, người Anh mở thương điểm đầu tiên tại Phố Hiến ở Xứ Đàng Ngoài của Chúa Trịnh vào năm 1672 rồi về sau di chuyển lên Hà Nội.

Người Pháp thì đến Việt Nam chậm nhất, mãi đến năm 1680, họ mới mở thương điểm đầu tiên ở Phố Hiến tại Xứ Đàng Ngoài.

## ***Người Hòa Lan: Hoàng Sa là của Xứ Đàng Trong***

Sau hơn một thế kỷ hoạt động ở các vùng thuộc miền Nam dưới quyền cai trị của các vị Chúa Nguyễn, người Bồ Đào Nha đã không mấy thành công vì địa vị của quốc gia này trên trường quốc tế không còn mạnh như trước và họ mất dần ảnh hưởng ở Á châu, nhường chỗ cho người Hòa Lan và người Anh. Đúng một trăm năm sau khi người Bồ đến Faifo, người Hòa Lan (Holland) đã đến Việt Nam và mở một thương điểm đầu tiên tại Xứ Đàng Trong vào năm 1636.

Theo tài liệu của người Hòa Lan thì công ty *Hòa Lan Đông Ấn* (Compagnie Hollandaise des Indes orientales) đã đến Xứ Đàng Trong từ thời Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (trị vì từ năm 1613 đến 1635).

Học giả Thái Văn Kiểm đã tìm thấy được một số tài liệu của Hòa Lan cho biết rằng họ đã đến đảo *Hoàng Sa* (Paracels) và *Turon* (Đà Nẵng) vào đầu thế kỷ thứ 17:

*“Một tài liệu của Hòa Lan cho biết người Hòa Lan đã đến Xứ Đàng Trong vào năm 1634 và được Chúa Thượng Nguyễn Phúc Nguyên cho phép buôn bán làm ăn tại Faifo (Hội An) vào hai năm sau đó, tuy nhiên nguyên nhân mà người Hòa Lan đã đến Việt Nam không phải vì buôn bán mà tại vì họ bị đắm tàu tại đảo Hoàng Sa:*

*“Theo những điều ghi chép trong Ký Sự Batavia (Journal de Batavia) của Công Ty Hòa Lan Đông Ấn (Compagnie Hollandaise des Indes Orientales) được ấn hành trong những năm 1631-1634-1636 thì dưới thời Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), vào ngày 20 tháng 7 năm 1634, có 3 chiếc tàu Hòa Lan tên là Veenhuizen, Schagen và Grootebroek từ Batavia (Nam Dương) đến Turon (Đà Nẵng) rồi cùng nhổ neo đi Formosa (Đài Loan). Sang ngày hôm sau thì đoàn tàu này bị bão cho nên lạc nhau rồi đến ngày 2 tháng 8 thì tàu Veehuizen đến Đài Loan và đến ngày 10 thì tàu Schagen mới đến đảo này. Chiếc tàu Grootebroek thì chẳng may bị đắm gần quần đảo Pracels (Hoàng Sa) ngang với vĩ tuyến thứ 17 khiến cho 9 thủy thủ bị mất tích và trong tổng số hàng hóa trị giá 153,690 florins, chỉ có vớt được khoảng 82,995 florins mà thôi và được cất giấu trên đảo Pracels.*

*Thuyền trưởng tàu này là Huijich Jansen để lại 50 thủy thủ trên đảo Hoàng Sa, ông ta cùng với 12 người thủy thủ còn khỏe mạnh chèo thuyền nhỏ vào đất liền vùng duyên hải Xứ Đàng Trong, mang theo 5 thùng bạc và 3,580 réaux đựng trong 17 bao. Tuy nhiên khi họ vào đến đất liền thì bị đám quan lại địa phương phụ trách về thương bạc mà người Hòa Lan gọi là Ongangmij tịch thu tất cả tiền bạc. Sau đó, đoàn thủy thủ Hòa Lan này mua lại một chiếc tàu của Nhật tên là Kiko trở lại đảo Pracels đón 50 thủy thủ và hàng hóa còn lại đưa về Batavia trên ba chiếc tàu của Hòa Lan là Bommel, Goa và Zeebung. Viên thuyền trưởng Huijich Jansen làm báo cáo phúc trình về việc tàu*

*Grootebroek bị đắm tại đảo Pracels và các quan địa phương Xứ Đàng Trong tịch thu 23,580 réaux.*

Hai năm sau, vào ngày 6 tháng 3 năm 1636, hai chiếc tàu Hòa Lan khác đến Turon (Đà Nẵng). Thương gia Hòa Lan là Abraham Duijeker đến Faifo xin gặp quan Trấn thủ rồi sau đó đi ra Thuận Hoá (Huế) để yết kiến Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1635-1648) và xin giao thương, mở thương điểm cũng như là đòi lại 23,580 réaux đã bị các quan Việt nam tịch thu hồi năm 1634.

Chúa Thượng đón tiếp Duijeker rất nồng hậu nhưng Chúa truyền rằng “những việc đó xảy ra dưới triều vua cha, nay Chúa không hề hay biết gì về vụ đó. Hơn nữa viên quan mà người Hòa Lan gọi là Ongangmij thì đã bị cách chức, tịch thu gia sản và bị xử trảm phanh thây vì can vào tội ăn hối lộ lên tới 340,000 lạng bạc. Chúa Thượng phán rằng Ngài xử sự như vậy là công minh, không can phải nhắc lại nữa. Chúa cũng cam đoan rằng từ nay sẽ có pháp luật rất nghiêm minh và sẽ không bao giờ xảy ra những việc đáng tiếc như vậy nữa. Để bù vào sự thiệt thòi đó, Chúa Thượng chấp thuận cho phép người Hòa Lan được tự do giao thương với Xứ Đàng Trong, được miễn đóng thuế neo bến và các tặng phẩm.

Vì lẽ đó mà từ năm 1636, một thương điểm (*comptoir commercial*) của người Hòa Lan đã được thiết lập tại Hội An (Faifo) do Abraham Duijeker làm trưởng thương điểm.”<sup>6</sup>

Một năm sau, 1637, người Hòa Lan lại thành công trong việc mở một thương điểm thứ hai tại Phố Hiến ở Xứ Đàng Ngoài dưới quyền cai trị của Chúa Trịnh. Vì thấy miền Bắc giàu có và mạnh hơn miền Nam cho nên để lấy lòng nhà Trịnh, người Hòa Lan đã từ bỏ sự buôn bán với miền Nam mà chỉ chú trọng đến miền Bắc, do đó Phố Hiến hồi đó ngày càng trở nên vô cùng thịnh vượng:

“Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ Nhì Phố Hiến.”

### ***Nhiều Người Âu Châu Được Các Chúa Nguyễn Trọng Dụng***

Tuy các nước Âu châu đến Việt Nam và cung cấp đủ mọi thứ hàng hóa cũng như là vũ khí cho cả hai phe Chúa Trịnh ở miền Bắc và Chúa Nguyễn ở miền Nam, nhưng về phương diện chính trị thì họ không gây được ảnh hưởng như là tại Malacca và Java (Nam Dương) vì người Việt Nam vốn ghét người ngoại quốc và nhờ có một nền văn hóa cao dựa theo văn hóa của người Trung Hoa. Đến cuối thế kỷ thứ 17 thì việc buôn bán không mấy gì phát đạt cho lắm, do đó mà người Hòa Lan, người Anh và cả người Pháp đều đóng cửa các thương điểm của họ ở Phố Hiến và Hà Nội.<sup>7</sup>

Linh mục Alexandre de Rhodes đến Faifo vào cuối năm 1624 và một năm rưỡi sau đó thì được gửi ra Xứ Đàng Ngoài vào năm 1627, ở lại đó chừng 3 năm thì bị Chúa Trịnh Tráng trục xuất sang Macao vào năm 1630. Ông ở lại Macao trong 10 năm và đến năm

1640 thì trở lại sống ở Xứ Đàng Trong cho đến năm 1645 thì bị Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan trục xuất và trở về Âu châu.

Linh mục *Benigne Vachet* sống tại Faifo và Huế trong gần 15 năm (1671-1685) và đã được Chúa Nguyễn mời đến chữa bệnh cho một vị hoàng tử. Ngoài ra, cũng trong khoảng thời gian này, có một số linh mục người Âu châu đã được các vị chúa Nguyễn mời vào cung chữa bệnh như là Linh mục *Langlois*, Linh mục *Bartholomeu de Costa*, người Bồ Đào Nha lai Nhật Bản, chữa bệnh cho Chúa Hiền Vương và Ngãi Vương, các linh mục *Sanna*, *Sardes* và *Sébastien Pirès*, cũng là người Bồ Đào Nha đã chữa bệnh và làm ngự y cho Chúa Minh Vương vào đầu thế kỷ thứ 18 và đặc biệt là Linh Mục *Siebert*, thuộc dòng Tên (Jésuite), một nhà toán học và thiên văn học người Đức đã làm ngự y và cố vấn rất thân tín cho Chúa Võ Vương, ông nội của Vua Gia Long sau này. Sau khi L.M. Siebert từ trần tại Huế vào năm 1745 thì Linh mục *Slamenski*, người Hung Gia Lợi thay thế làm ngự y. L.m. Slamenski rất được kính trọng vì ông vốn là một bác sĩ giải phẫu trong quân đội Hung Gia Lợi trước khi trở thành linh mục và sau khi ông từ trần vào năm 1746 thì được L.m. Koffler thay thế. Linh mục *Jean Koffler* là người được Chúa Võ Vương vô cùng trọng đãi vì ông là một người thông thái, tài giỏi, thông thạo nhiều môn học cho nên ngoài chức vụ ngự y, Chúa Võ Vương còn dùng L.m. Koffler như là một vị cố vấn thân tín nữa.

Dưới thời nhà Lê, vào năm 1672, Chúa Trịnh Tạc đã cho phép người Anh tên là *William Gyfford* mở một thương điểm (comptoir) ở Hiến Nam, về sau được dời về Thăng Long, tuy nhiên đến năm 1697 thì bị đóng cửa. Khi thấy bị thất bại ở Xứ Đàng Ngoài, Công Ty Đông Ấn đã tìm cách mở rộng giao thương với Xứ Đàng Trong và vào năm 1695, dưới thời Chúa Minh Vương (1691-1725), họ đã gửi ông *Thomas Bowyear* đến xứ Đàng Trong, mang theo một lá thư của Giám đốc công ty là *Nathaniel Higginson* và nhiều tặng phẩm gửi cho Chúa Nguyễn. Bowyear ở lại Việt Nam từ tháng 9 năm 1695 đến tháng 2 năm 1696 và khi rời Xứ Đàng Trong thì có mang theo một lá thư của Chúa Nguyễn cùng với một số tặng phẩm gửi cho Giám Đốc Công Ty Đông Ấn. Tuy sự liên lạc giữa ông với Chúa Nguyễn rất tốt đẹp nhưng sau đó thì không thấy công ty này hoạt động tại Xứ Đàng Trong.

Những tài liệu và điều ghi chép của Thomas Bowyear về sau được xuất bản dưới tựa đề “*Book Containing Several Copies of Letters, Instructions, Journals etc. Relating to the Pegu and Cochin-china Trade, Fort St George, May 1695 to September 1697,*” ấn hành tại London vào năm 1897. Trong tập tài liệu này, có bức thư của Tổng Giám Đốc Công Ty là *Nathaniel Higginson* gửi cho Vua Nước Cochin-china và thư của Chúa Nguyễn, *Minh Vương*, gửi cho Nathaniel Higginson.

Có lẽ đây là một trong những tài liệu hiếm có giữa một vị nguyên thủ Xứ Đàng Trong với một công ty người Âu Châu còn được ghi chép lại. Đây cũng là một trong những tài liệu vô cùng quý giá về Việt Nam đối với người Âu Châu thời đó vì Thomas

Bowyear đã mô tả rất đầy đủ và chính xác về tình hình chính trị tại Việt Nam, nói rõ nguyên nhân tại sao có sự phân chia Nam-Bắc từ thời Trịnh Kiểm và Nguyễn Hoàng. Đặc biệt nhất là trong tài liệu này, Bowyear đã kể lại chiến thắng của quân Nhà Nguyễn dưới thời Chúa Hiền Vương trong trận hải chiến chống lại 3 chiếc tàu của người Hòa Lan tại *Tourane* (Đà Nẵng) vào khoảng năm 1650: tàu Hòa Lan đã bắn phá thành phố và các chiến thuyền Việt Nam trong suốt một ngày trời, sau đó chiến hạm lớn nhất của Hòa Lan bị bắn chìm, thủy thủ đoàn bị giết và Chúa Nguyễn đã bắt hơn 30 thương nhân Hòa Lan ở Faifo đưa về Huế cũng như là đóng cửa thương cuộc Hòa Lan tại Faifo.<sup>8</sup>

Linh mục *Guillaume Mahot* sinh năm 1630 tại Argentan, Pháp, thuộc *Giáo Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris* (Société des Missions Étrangères de Paris) đến Việt Nam vào năm 1666 và được phong làm Đại Diện Tòa Thánh (Vicaire Apostolique) vào năm 1680 và từ trần tại Faifo (Hội An) năm 1684. Trong một cuốn sách ấn hành năm 1680 tại Paris, các nhà truyền giáo cho biết rằng Giám Mục Guillaume Mahot đã chữa lành bệnh cho vị hoàng tử đứng hàng thứ nhì của Chúa Hiền Vương là Hoàng Tử Hiệp, về sau được cử làm nguyên soái chỉ huy quân đội và đã đánh bại quân của Chúa Trịnh vào năm 1672, tức là trận đánh lần thứ 7 cũng là trận đánh cuối cùng giữa hai Xứ Đàng Ngoài và Đàng Trong, nhờ vậy mà từ đó miền Nam của Chúa Nguyễn không còn bị nhà Trịnh mang quân vào xâm lấn nữa.<sup>9</sup>

Một trong những người đáng được nhắc nhở là *Jean de la Croix*, cũng còn được biết dưới cái tên *Jao de la Cruz*, người Bồ Đào Nha lai Ấn Độ đã được Chúa Hiền Vương trọng dụng và ông là người đã đúc súng đại bác được người Việt nam gọi là “*súng thần công*” (canons génies) cũng như một số vạc đồng (vasque) hiện còn được trưng bày tại Huế. Ông cũng là người đã huấn luyện những người gọi là “*thợ đúc*” và lập ra một làng chuyên về đúc đồ đồng tại Huế từ thời Chúa Hiền Vương gọi là “*Phường Đúc*” ngày nay vẫn còn tồn tại.

Sang đến thế kỷ thứ XVIII, *Pierre Poivre*, người Pháp đã từng sống tại Huế, đã viết cuốn “*Voyage d'un Philosophe, ou Observations sur les Moeurs et les Arts des Peuples de l' Afrique, de l'Asie et de l'Amérique*” xuất bản năm 1768, và cuốn “*Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine*,” (về sau do Henri Cordier, tạp chí *Revue d'Extrême Orient* xuất bản vào năm 1744). Chính nhờ đọc hai cuốn sách này của Pierre Poivre mà sau này *Thomas Jefferson* biết đến Xứ Cochinchina tức là Xứ Đàng Trong.

Những người Âu châu đến Việt Nam trước thời Gia Long còn có nhiều người nữa, tuy nhiên trong phạm vi bài này, người viết chỉ chú trọng đến những người sau này có ghi lại những kỷ niệm hoặc những điều tai nghe mắt thấy của họ tại cả hai xứ Đàng Ngoài và Đàng Trong vào thời đó .

Nói tóm lại, mối liên lạc giữa người Âu Châu đối với Việt Nam, cả chế độ của Chúa Trịnh tại miền Bắc lẫn chế độ của Chúa Nguyễn tại miền Nam đã bắt nguồn từ

thời Lê Trang Tông, và gia tăng ảnh hưởng vào hai thế kỷ thứ 17 và 18, một số giáo sĩ lại được các Chúa Nguyễn trọng dụng cho đến vị chúa Nguyễn cuối cùng là Chúa Võ Vương, ông nội của Vua Gia Long.

Như vậy thì việc một số ý kiến sau này cho rằng chính Nguyễn Phúc Ánh là người đã nghe theo lời Giám Mục Bá Đa Lộc đưa người Pháp sang Xứ Đàng Trong vào cuối thế kỷ thứ 18 để rồi khoảng 100 năm sau nước Việt Nam bị người Pháp đô hộ là một luận điệu không đứng vững vì các nhà truyền giáo Tây Phương đã đến Việt Nam với mục đích truyền đạo từ thế kỷ thứ 16 và Dòng Tên đã thành lập Mission de Cochinchine từ năm 1616 để truyền giáo tại Xứ Đàng Trong, khoảng 150 năm trước khi Nguyễn Phúc Ánh ra đời.

### ***Người Mỹ và Việt Nam***

Về phía Hoa Kỳ thì việc người Mỹ đến Việt Nam buôn bán vào thời đó không có gì rõ ràng vì không hề được ghi chép lại trong sách báo. Theo Giáo sư William Appleman Williams, giáo sư Sử Học tại Oregon State University ở tiểu bang Oregon thì:

*“Những người Mỹ đầu tiên đến vùng mà bây giờ chúng ta gọi là Việt Nam rất có thể là những vị thuyền trưởng và thủy thủ bị lôi cuốn bởi sự phiêu lưu mạo hiểm cũng như là những lời đồn đại hoang đường về sự giàu có và những kho tàng ở Á châu cho nên họ đã mạo hiểm sang vùng đó trong cuộc chiến tranh của Vua William (King William’s War: 1689-1697). Họ trở thành những tên “hải tặc quốc tế” (international pirates) và khi trở về Hoa Kỳ thì họ đã phô trương những cái túi đầy ắp vàng bạc cùng những của cải từ ngoại quốc trên mọi đường phố ở Boston cũng như là những thành phố hải cảng ở miền Nam như là Charleston. Họ ăn mặc những trang phục quái dị đầy màu sắc và đã tán tỉnh những phụ nữ thuộc mọi thành phần một cách vô cùng nhố nhăng và lối bịch.”*

*“Những cuộc thám hiểm, phiêu lưu can trường nhưng cũng đầy những hành vi chẳng lấy gì là quang minh chính đại của các nhà thám hiểm nổi tiếng như là Sir Francis Drake và John Hawkins đã được “tiểu thuyết hóa” khiến cho nhiều người trong quần chúng đã xem chuyện cướp bóc (piracy) trong những vùng biển xa lạ như là một lợi khí của chế độ tư bản cũng như là đế quốc của Anh Quốc và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, mục tiêu tối hậu là tạo dựng nên một hệ thống có trật tự liên quan đến việc khai thác một cách có phối hợp những nguồn tài nguyên, nhân lực và thị trường trên bình diện toàn cầu. Nhằm vào một phần trong tiến trình đó, người Mỹ đã dần dần mở liên lạc giao thương với Trung Hoa và các nước trong vùng Đông Nam Á như là một quốc gia thành viên của Đế quốc Anh Cát Lợi.*

“Chính sự bành trướng đế quốc này đã giúp cho các thuộc địa của người Anh ở Mỹ châu ngày càng trở nên cường thịnh và nhờ đó đã thúc đẩy họ đấu tranh để dành cho được nền độc lập. Tuy nhiên một trong những cái giá phải trả sau khi chiến thắng người Anh trong cuộc Chiến tranh Cách Mạng (Revolutionary War) lại là việc mất đi những quyền lợi về kinh tế cũng như là hàng hải mà người Mỹ đã được hưởng khi còn bị lệ thuộc vào Đế Quốc Anh. Người Mỹ phải đi tìm những thị trường mới, tài nguyên thiên nhiên mới cũng như là những loại hàng hóa trao đổi để bù vào sự mất mát đó.

“Được sự hỗ trợ của một nhóm thương gia ở New York, ông Robert Morris thuộc thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania, có lẽ là nhà tư bản Mỹ đầu tiên đã mở cánh cửa cho người Mỹ đầu tư vào vùng Viễn Đông. Robert Morris đã kêu gọi một số nhà đầu tư đóng góp được một số vốn là 120,000 mỹ kim rồi vào ngày sinh nhật của Tổng Thống George Washington vào năm 1784, chiếc thương thuyền của công ty này mang tên là “Empress of China” đã trưng buồm rời nước Mỹ lên đường sang Viễn Đông. Chiếc thuyền này đã được người Pháp dẫn đạo, luồn lách qua những eo biển đầy nguy hiểm trong vùng Nam Dương quần đảo, đi qua Việt Nam rồi cập bến Canton (Quảng Đông) ở Trung Hoa.

“Khi thương thuyền Empress of China trở về Hoa Kỳ thì công ty này đã thu hoạch được một số tiền lời là 37,727 đô la. Số tiền lời này cũng chẳng lấy gì là lớn lắm hồi đó, tuy nhiên so với số vốn đầu tư thì số tiền lời này lên tới một phần ba. Ngay cả cho đến bây giờ thì đó là một tỷ lệ tiền lời vô cùng hấp dẫn. Điều này đã gây khích lệ cho giới thương gia và họ đã triệt để vận động với chính quyền ban hành những biện pháp nhằm cung cấp những hình thức trợ giúp của chính phủ dành cho các lãnh vực kinh doanh tư nhân.

“Quốc Hội Hoa Kỳ ngay sau đó đã biểu quyết một bản quyết nghị ca ngợi thương thuyền Empress of China với lời lẽ như sau: “Quốc Hội bày tỏ sự mãn nguyện đặc biệt đối với sự thành công của thương thuyền Empress of China trong nỗ lực đầu tiên nhằm thiết lập giao thương trực tiếp với Trung Hoa.”<sup>10</sup>

Cũng nhằm khuyến khích công cuộc phát triển giao thương với Á châu, chính phủ Mỹ đã ban hành một số biện pháp nhằm tài trợ cho việc buôn bán này, chẳng hạn như là dành nhiều đặc miễn không đánh thuế vào hàng hóa nhập cảng. Được sự khuyến khích như vậy, vào năm 1800, chiến hạm Essex đã được phái sang vùng biển Á châu để bảo vệ cho việc phát triển sự buôn bán của người Mỹ trong khu vực này. Sau đó vì có cuộc chiến tranh với người Anh vào năm 1812 cho nên sự buôn bán này có phần bị ảnh hưởng, tuy nhiên sau khi cuộc chiến tranh này kết thúc thì vào năm 1818, hải quân Hoa Kỳ đã được tăng cường với những chiến thuyền tối tân như chiến thuyền Congress được trang bị với 36 khẩu thần công và chiến thuyền Vincennes của Hoa Kỳ đã lập ra kỷ lục đi vòng quanh quả địa cầu lần đầu tiên vào đầu thế kỷ thứ 19.

Một số học giả Hoa Kỳ nhận xét rằng đối với người Mỹ vào thời đó thì họ không biết gì về Việt Nam, chỉ chú trọng đến Trung Hoa mà thôi:

*“Tuy nhiên người Mỹ lúc đó chỉ chú trọng đến Trung Hoa. Người Mỹ cũng đã thành công trong việc ký kết thương ước với nước Xiêm La (Thái Lan) nhưng lại lãng quên nước Việt Nam và do đó đã tạo ra khe hở khiến cho người Pháp lợi dụng và khai thác cho mục tiêu của họ nhằm xâm nhập vào Trung Hoa từ phía nam. Điều đó đã khiến cho một vài nhà ngoại giao Hoa Kỳ lên tiếng cảnh cáo, tuy nhiên sự cảnh cáo đó đã không được giới chính quyền quan tâm vì họ chú trọng nhiều hơn vào mục tiêu bành trướng nền thương mại với Trung Hoa mà thôi.”*<sup>11</sup>

Một số người Mỹ đã đến Việt Nam từ đầu thế kỷ thứ 19 dưới thời Vua Gia Long và dưới thời vua Minh Mạng, Tổng Thống Andrew Jackson đã gửi Sứ Thần Edmund Roberts sang Việt Nam hai lần vào năm 1832 và năm 1836 để thương thuyết về việc thiết lập giao thương cũng như là ngoại giao trên cấp lãnh sự, tuy nhiên những nỗ lực này của Hoa Kỳ đã không đạt được kết quả nào dù rằng nhà ngoại giao này đã thành công trong việc ký kết với Vua Rama III của Thái Lan một thỏa ước tương tự vào năm 1833 và thỏa ước này vẫn còn có hiệu lực cho đến ngày nay.

(Bài này chỉ hạn chế nói về những liên hệ giữa người Tây Phương với Việt Nam cho đến cuối thế kỷ thứ 18 tức là trước khi Vua Gia Long lên ngôi mà thôi, do đó những chi tiết về việc Sứ Thần Edmund Roberts đến Việt Nam hai lần sẽ được nói đến trong một bài khác: *“Liên Hệ Hoa Kỳ-Việt Nam Từ Thế Kỷ thứ 19”* cũng của người viết.)

Như vậy thì cho đến thế kỷ thứ 18, người Hoa Kỳ dường như không biết gì đến nước Việt Nam, lúc bấy giờ đang bị phân chia thành hai miền Xứ Đàng Ngoài của Chúa Trịnh và Xứ Đàng Trong của Chúa Nguyễn, tuy nhiên vì một sự tình cờ, một nhân vật nổi tiếng người Mỹ, một trong những tác giả của Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ vào năm 1776, đã có dịp quen biết với một vị hoàng tử của Xứ Đàng Trong vào năm 1787 tại Paris.

Thomas Jefferson là người Mỹ đầu tiên đã gặp gỡ người Việt Nam đầu tiên là Hoàng Tử Nguyễn Phúc Cảnh khi vị hoàng tử mới lên 8 tuổi này theo Giám Mục Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện.

### ***Thomas Jefferson Muốn Mua Lúa Giống Từ Việt Nam***

Một trong những vị chính khách người Mỹ đầu tiên biết đến nước Việt Nam xa xôi qua cái tên Cochín-China hay Xứ Đàng Trong từ cuối thập niên 1780 là ông *Thomas Jefferson*, vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ, khi ông đang đảm nhận chức vụ Sứ Thần Toàn Quyền của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ tại nước Pháp.

Thomas Jefferson là một con người đa tài. Mọi người ai cũng biết ông là tác giả bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* (Declaration of Independence) đã được Quốc Hội Hoa Kỳ chấp thuận thông qua vào ngày 4 tháng 7 năm 1776 tại Philadelphia, sau đó ông làm Ngoại Trưởng, Phó Tổng Thống rồi đắc cử trở thành vị tổng thống thứ 3 của nước Mỹ (1801-1809). Ngoài những chức vụ nói trên, Thomas Jefferson còn được nổi tiếng trong nhiều lãnh vực khác: luật sư, đại biểu Quốc Hội, Thống Đốc tiểu bang Virginia, sứ thần toàn quyền tại Pháp, kiến trúc sư, một nhà phát minh về khoa học, một nhà trí thức, một triết gia và một người say mê trong việc khảo cứu về nông học, trong đó có việc nghiên cứu để cải thiện việc trồng trọt các loại cây ăn trái tại Hoa Kỳ và đặc biệt là ngành trồng lúa tại hai tiểu bang North và South Carolina



*Thomas Jefferson, vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ*

Chính vì việc đi tìm một giống lúa thích hợp cho vùng Carolina mà trong thời gian làm Sứ Thần Toàn Quyền tại Paris, Thomas Jefferson đã gặp gỡ và quen biết với một vị hoàng tử người Việt Nam vào năm 1787:

*“Jefferson muốn quốc gia của ông trở thành một cường quốc về nông nghiệp. Ông đã nhập cảng nhiều loại cây, từ cây nhỏ đến cây lớn, từ khắp nơi trên thế giới sang Hoa Kỳ để các nông gia Mỹ có thể trồng và làm cho các sản phẩm nông nghiệp được phong phú hơn. Ông mang về Mỹ cây mơ, cây nho, cây olive v.v. Ông quyết định rằng giống lúa đang được trồng tại vùng Carolina cũng có thể cạnh tranh được với bất*

cứ loại lúa nào khác trên thị trường thế giới, do đó ông đã tìm cách ghép giống lúa Carolina với lúa của Ý Đại Lợi (mà ông đã ăn cắp mang về) và lúa của Trung Hoa với loại lúa Phi Châu không cần nhiều nước. Kế hoạch của Jefferson thành công và ngày nay Hoa Kỳ là một trong những quốc gia sản xuất lúa gạo hàng đầu trên thế giới.”<sup>12</sup>

Trong nỗ lực đi tìm loại lúa giống tốt và thích hợp cho nước Mỹ, Thomas Jefferson đã không ngần ngại dùng bất cứ phương thức nào, dù rằng bất hợp pháp như là “mang lậu” hay là “ăn cắp,” để mang giống lúa từ Ý Đại Lợi về trồng tại Mỹ:

“Thomas Jefferson hỏi mọi người lý do tại sao lúa gạo sản xuất tại Carolina giá rẻ và tốt hơn mà lại bán không chạy bằng lúa gạo của Ý. Mỗi người được hỏi lại có những câu trả lời trái ngược khác nhau cho nên ông ta đã vượt núi Alps để sang Ý, có khi phải đi bằng lừa vì dốc núi quá cao xe ngựa không lên được. Tại Ý Đại Lợi, Thomas Jefferson được biết rằng chính phủ nước này kết án tử hình những người mang lậu lúa giống ra khỏi nước, do đó Jefferson đã thuê một người Ý tên là Pogio lên chở lậu một bao lúa giống bằng lừa đến Genoa. Pogio không bao giờ đến Genoa nhưng Thomas Jefferson đã bỏ vào hai túi áo một nắm hạt lúa giống của Ý rồi sau đó gửi về Carolina.”<sup>13</sup>

Một tác giả khác cho biết thêm về chuyện này với nhiều chi tiết hơn:

“Thomas Jefferson cũng tìm hiểu xem nguyên nhân tại sao gạo của vùng Piedmont nước Ý lại được ưa chuộng trên thị trường Âu châu hơn là gạo của vùng Carolina ở Mỹ. Tại Paris, ông nghe nói rằng người Ý dùng một loại máy xay lúa tối tân hơn của Mỹ cho nên gạo của Ý không bị bể ra thành tấm như gạo Mỹ. Trong chuyến đi thăm miền Nam nước Pháp, khi đến Marseilles thì ông được biết rằng chỉ cần vượt qua dãy núi Alps thì ông có thể sang tới nước Ý và có thể quan sát được những cánh đồng trồng lúa của vùng Piedmont và máy xay lúa. Do đó ông đã quyết định kéo dài chuyến đi sang tận miền Bắc nước Ý. Khi đến Nice, ông được biết thêm rằng các cánh đồng lúa còn ở xa hơn nữa, tận vùng Lombardie, tuy nhiên vì quyết tâm đi tìm giống lúa cho nên ông quyết định tiếp tục đi cho đến cùng.....

Khi đến vùng lân cận Vercelli, Jefferson mới được nhìn thấy tận mắt những cánh đồng lúa của nước Ý và nhất là máy xay lúa. Ông ngạc nhiên khi khám phá ra rằng máy xay lúa của Ý cũng chẳng có gì khác máy xay lúa của Mỹ, có điều ông thấy là giống lúa của Ý thuộc một loại lúa giống khác với lúa Mỹ. Mặc dù biết rằng nước Ý có luật xử tử hình những người xuất cảng lậu lúa giống sang các nước khác, Thomas Jefferson đã quyết định mang lậu loại lúa giống này về Mỹ và lên thuê một người Ý chở một vài bao lúa bằng lừa đến Genoa. Tuy thuê người chở lúa như vậy nhưng Jefferson cũng không mấy tin tưởng người Ý đó sẽ mang lúa về Genoa cho ông, do đó ông đã bốc lúa giống Vercelli, loại lúa tốt nhất, bỏ vào đầy hai túi áo rồi chính ông mang những hạt lúa đó về Paris.”<sup>14</sup>

Thomas Jefferson đã lưu giữ gần như hầu hết những thư từ người ta gửi cho ông và những thư từ ông viết cho người khác, về sau được xuất bản trong bộ sách “*The Papers of Thomas Jefferson*” gồm 19 bộ, dài trên mười mấy ngàn trang, trong đó người ta có thể đọc thấy mối quan tâm của ông về việc tìm kiếm một loại lúa giống thích hợp cho vùng Carolina của Hoa Kỳ và theo ông thì loại lúa đó là loại lúa cạn của nước Cochinchina tức là nước Việt Nam ngày nay.

Trong một bức thư gửi cho ông *William Drayton* ở tiểu bang South California vào ngày 30 tháng 7 năm 1787, Thomas Jefferson nói rằng một người Pháp tên là *Pierre Poivre* đã từng du hành sang nhiều nước trong vùng Á Châu để quan sát về ngành nông nghiệp, đã cho biết rằng tại xứ Cochinchina tức là Xứ Đàng Trong hồi đó, người Việt Nam đã trồng 6 loại lúa: 3 loại lúa cạn (lúa sạ) và 3 loại lúa nước.

Thomas Jefferson vốn là một người có đầu óc thích tìm hiểu và nghiên cứu để cải thiện ngành nông nghiệp tại Hoa Kỳ cho nên khi nghe đến việc người Việt Nam biết cách trồng lúa cạn tức là không cần đến nước thì ông đã nghĩ ngay đến việc nhập cảng loại lúa này để trồng tại Hoa Kỳ. Ông cho *William Drayton* biết thêm về phẩm chất của loại lúa này:

*“Chúng ta biết rằng tại Á châu họ có nhiều loại giống khác nhau về loại lúa tốt hơn là lúa của Ý và Carolina. Ông Pierre Poivre, một nhà nông học người Pháp trong vùng Isle of France, một người đã từng du hành qua nhiều nước Á Châu và đã quan sát rất kỹ lưỡng về nền nông nghiệp của họ, đã cho chúng ta biết rằng tại xứ Cochinchina, người ta đã trồng 6 loại lúa mà ông ta mô tả rằng có ba loại trồng trong nước và ba loại trồng trên cạn. Chúng ta nghe nói rằng loại lúa đang được trồng tại Carolina là xuất phát từ đảo Madagascar và ông Poivre thì lại cho biết rằng loại gạo trắng đó là xuất phát từ bên Á châu.”*

Sau khi nói với *Drayton* rằng ông sẽ cố gắng gửi một ít hạt giống của loại lúa đang được trồng tại Ý về Mỹ để trồng thử trong vùng Carolina và Georgia, Thomas Jefferson vẫn còn hy vọng sẽ tìm được loại “gạo trắng” của xứ Cochinchina để đưa về Hoa Kỳ. Jefferson cho biết thêm về gạo của Cochinchina như sau:

*“Hạt gạo của loại lúa cạn từ Xứ Đàng Trong được nổi tiếng là trắng tinh, ăn rất ngon, năng suất rất cao và lại rất dễ trồng. Như vậy thì loại lúa này dường như có thể phối hợp được tất cả những đặc tính tốt của cả hai loại lúa Carolina và Ý Đại Lợi. Nếu chúng ta trồng được loại lúa này thì đó là một điều vô cùng may mắn vì như vậy thì chúng ta có thể bỏ đi những cái ao đầy nước đọng vô cùng có hại cho sức khỏe và đời sống của con người. Tuy không lấy gì làm chắc chắn là việc này sẽ đạt được thành công nhưng tôi nghĩ rằng nếu như mà việc thí nghiệm này sẽ sản xuất được một loại lúa thứ ba nữa thì cũng đáng làm vì sẽ gia tăng mức tiêu thụ về lúa gạo. Tôi sẽ cố tìm mua một ít lúa giống này từ Cochinchina, tuy nhiên việc này cũng chẳng lấy gì làm chắc cho lắm và cũng còn có vẻ xa vời ...”*<sup>15</sup>

Sáu tháng sau, vào ngày 13 tháng Giêng năm 1788, Thomas Jefferson lại viết thư cho William Drayton và lần này ông ta có vẻ hy vọng hơn về việc tìm được loại lúa giống này cho để đưa về Hoa Kỳ vì vào thời gian đó ông ta có làm quen được với một vị hoàng tử của xứ Cochinchina tại Pháp. Sau khi cho Drayton biết rằng đã nhờ Thuyền Trưởng Shewell mang một số lượng hạt giống lúa của Ai-Cập về hải cảng Charleston cho Drayton và một số khác thì sẽ được gửi sang New York đưa cho các vị đại biểu của tiểu bang South Carolina tại Quốc Hội, Thomas Jefferson cho biết một tin đầy lạc quan về loại lúa Cochinchina:

*“Tôi có rất nhiều hy vọng sẽ nhận được một ít hạt giống lúa cạn từ Xứ Đàng Trong vì **một vị hoàng tử trẻ của xứ Cochinchina** hiện đang có mặt tại Pháp, đã hứa hẹn một cách chắc chắn với tôi rằng ông ta sẽ cung cấp cho tôi loại lúa đó. Tuy nhiên cũng cần phải chờ đợi một thời gian nữa. Tất cả những việc này cũng chỉ là những thí nghiệm và điều khôn khéo nhất là chúng ta phải cứ thử tất cả nhưng cái gì tốt nhất thì chúng ta mới giữ lại.”*<sup>16</sup>

### ***Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh Sang Pháp Cầu Viện***

Vị hoàng tử trẻ của xứ Cochinchina mà ông Thomas Jefferson đề cập đến ở đây chính là **Hoàng Tử Cảnh**, con trưởng của Chúa Nguyễn Phúc Ánh (người con đầu đã chết,) đã được ông gửi cho Giám Mục Bá Đa Lộc đưa sang Pháp để cầu viện vào giữa thập niên 1780.

**Bá Đa Lộc** là tên phiên âm tiếng Việt của Giám mục *Pigneau de Béhaine*, được Giáo Hoàng Clément XIV phong làm Giám Mục Adran và Đại diện Tòa Thánh La Mã tại Cochinchina vào năm 1771. Vào khoảng năm 1778, khi người Cao Miên đánh phá Hà Tiên và đốt cháy chủng viện tại đây, Giám mục Bá Đa Lộc dời về hoạt động tại Biên Hòa và tại đây ông được quen biết với một vị hoàng tử 17 tuổi, hậu duệ của vị Chúa Nguyễn cuối cùng đang bôn đào tại đất Gia Định. Trong những khi nhàn rỗi, Nguyễn Ánh có đến đàm đạo với Bá Đa Lộc. Theo tài liệu của Phái bộ Truyền Giáo Hải Ngoại thì tuy vị hoàng tử mất ngôi này không theo đạo Thiên Chúa giáo (Chrétien) nhưng ông ta đối xử rất tử tế với những người theo đạo này. Bá Đa Lộc có ý muốn thuyết phục Nguyễn Ánh theo đạo Thiên Chúa nhưng Nguyễn Ánh nhất định từ chối, tuy nhiên ông không đàn áp những người theo đạo này như nhà Tây Sơn.

Nguyễn Phúc Ánh sinh ngày 15 tháng Giêng năm 1762 là con của Hoàng tử Nguyễn Phúc Côn (Nguyễn Phúc Luân), cháu nội của Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Sau khi Chúa Võ Vương từ trần, đáng lý ra Thế tử Nguyễn Phúc Luân phải lên kế vị nhưng ông lại bị quyền thần Trương Phúc Loan bắt giam vào lãnh thất rồi đưa người em mới có 12 tuổi lên nối ngôi.

*Trương Phúc Loan* là con thứ hai của Trương Phúc Phan, cha của Túc Tôn Hiếu Ninh Hoàng Hậu, vợ của Ninh Vương và là mẹ của Chúa Võ Vương, như vậy, Trương Phúc Loan là cậu của Võ Vương. Trương Phúc Phan, lấy người con gái thứ ba của Ngãi Vương là công chúa Ngọc Nhiễm. Con trai trưởng của Trương Phúc Loan là Trương Phúc Thặng lấy con gái thứ hai của Võ Vương là công chúa Ngọc Nguyên và một người con trai khác, là Trương Phúc Nhạc lại lấy con gái thứ bảy của Võ Vương là công chúa Ngọc Thọ.

Dưới thời Võ Vương, Trương Phúc Loan giữ nhiều chức vụ trọng yếu trong triều như Ngoại Tả, trông coi về việc tài chánh và binh bị v.v.; các anh em và con của ông ta chia nhau nắm giữ nhiều chức vụ then chốt khác trong triều.

Khi Chúa Võ Vương mất, người con trưởng đã chết và đáng lý ra theo di chiếu của Võ Vương thì Thế tử Nguyễn Phúc Luân, thân phụ của Nguyễn Phúc Ánh, phải được lên kế vị. Tuy nhiên vì Hoàng tử Nguyễn Phúc Luân là người thông minh và có tài, cho nên Trương Phúc Loan sợ rằng nếu ông này lên nối ngôi thì y cùng phe cánh nhà họ Trương sẽ không còn có thể thao túng triều đình được, do đó y đã thông đồng với thái giám Chử Đức và viên chỉ huy Cấm Thành là Nguyễn Phúc Thông giả mạo một chiếu chỉ đem giam hoàng tử Nguyễn Phúc Luân vào lãnh thất. Sau đó bọn họ làm một bức di chiếu giả của Võ Vương đưa Duệ Tôn Nguyễn Phúc Thuần mới có 12 tuổi lên kế vị. Duệ Tôn phong cho Trương Phúc Loan làm *Phụ Chánh Triều Đình* (regent du royaume,) kiêm Thượng thư bộ Hộ, tổng chỉ huy đoàn Tượng Binh và đô đốc Thủy Quân v.v.

Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng cho biết rõ thêm nhiều chi tiết về việc này như sau:

*“Hung Tổ là cha của vua Gia Long tên thật là Nguyễn Phúc Luân sinh năm 1733, mất năm 1765. Ông là con trai thứ hai của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765.) Sau khi người con trưởng mất sớm, Chúa đã lập người con trai thứ tư là Nguyễn Phúc Hiệu lên làm thế tử để nối ngôi nhưng sau đó Nguyễn Phúc Hiệu cũng chết sớm. Con Nguyễn Phúc Hiệu là Nguyễn Phúc Dương, còn được gọi là Hoàng Tôn Dương, còn quá nhỏ nên Thế tử Chương Võ Nguyễn Phúc Luân, là cha của Nguyễn Phúc Ánh, được chọn để lên kế vị Võ Vương.*

*“Ngày Giáp Ngọ, tháng 5 năm Ất Dậu (1765,) Chúa Võ Vương mất. Quyền thần Trương Phúc Loan âm mưu với thái giám là Chử Đức (không rõ họ) và Chưởng Dinh là Nguyễn Cửu Thống, thay đổi di chiếu, bắt giam Nguyễn Phúc Luân vào lãnh thất. Hai vị quan đại thần là Nội Hữu Trương Văn Hạnh và Thị Giảng Lê Cao Kỳ ủng hộ Thế tử Nguyễn Phúc Luân và chống lại âm mưu này cho nên đã bị Trương Phúc Loan giết chết. Ông buồn rầu, sinh bệnh mà chết tại nhà riêng vào ngày Quý Mùi, tháng 9 năm Ất Dậu (1765,) thọ 33 tuổi và được an táng tại làng Cư Chánh, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên...*

“Ông mất vào thời buổi loạn lạc, người nhà liệm xác và âm thầm mang lên núi để chôn. Giữa đường gặp một vị ẩn sĩ chỉ cho chỗ đất tại núi Cư Chánh (về sau gọi là núi Bảng Lăng). Sau khi lên làm vua, Gia Long tin rằng nhờ ngôi mộ của cha mình ở núi Bảng Lăng kết phát nên đổi tên núi này là Hưng Nghiệp Sơn. G.S. Nguyễn Lý Tưởng cũng cho biết thêm rằng vào năm 1953, một trận lụt lớn xảy ra ở Huế và núi Bảng Lăng bị sụp đổ, sang năm 1954 đất nước bị chia đôi và sang đến tháng 10 năm 1955 thì Quốc Trưởng Bảo Đại bị truất phế... Nhiều người tin rằng vì ngọn núi này bị sụp đổ mà nhà Nguyễn đã bị mất ngôi.”<sup>17</sup>

Năm 1775, Chúa Trịnh sai Hoàng Ngũ Phúc mang quân vào đánh Phú Xuân, cùng lúc đó Nguyễn Nhạc chiếm được Quy Nhơn và Quảng Ngãi. Chúa Nguyễn Phúc Thuần mang vợ con và cháu là Nguyễn Phúc Ánh chạy vào Gia Định. Trương Phúc Loan bị Hoàng Ngũ Phúc bắt và bị chết trên đường bị giải về Bắc theo lệnh của Chúa Trịnh. Về sau, Chúa Nguyễn Phúc Thuần, Hoàng Tôn Dương đều bị quân Tây Sơn giết chết. Riêng Nguyễn Phúc Ánh cũng có 4 người anh em đều bị Tây Sơn giết: Nguyễn Phúc Hạo, Nguyễn Phúc Mân là con của Nguyễn Phúc Luân và bà Nguyễn Từ Phi, chị ruột của mẹ vua Gia Long; Nguyễn Phúc Đồng, anh ruột và Nguyễn Phúc Điển, em ruột của vua Gia Long. Như vậy thì nội trong gia đình của Nguyễn Phúc Ánh, có đến 4 người con trai đều bị quân Tây Sơn giết chết.

Năm Mậu Tuất (1778) sau khi Chúa Nguyễn bị giết, các tướng tôn Nguyễn Phúc Ánh lên làm đại nguyên soái để lãnh đạo quân nhà Nguyễn chống lại nhà Tây Sơn. Tuy nhiên trong những năm sau đó thì nhiều lần Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi, phải chạy trốn từ nơi này sang nơi khác, từ đảo này sang đảo khác và có lần phải mang cả gia đình chạy sang nương náu ở Xiêm La.

Năm 1783, quân Tây Sơn vào đánh Gia Định, Giám Mục Bá Đa Lộc phải chạy ra trú ẩn tại đảo Puolo-way trong Vịnh Xiêm La. Trong khi đó, Nguyễn Ánh cũng bị



*Giám Mục Bá Đa Lộc (1788)*

quân Tây Sơn đánh đuổi do đó phải mang quân chạy ra đảo Poulo-way, tại đây Nguyễn Ánh cùng đám tàn quân của ông đã được Bá Đa Lộc chia cơm xẻ áo nhờ đó mà được sống sót và do đó mà Nguyễn Ánh mang ơn và rất có cảm tình cũng như là tin tưởng vào vị giám mục người Pháp này.

Học giả Võ Thu Tịnh nói rằng ông *John Barrow*, tác giả cuốn “*Voyage en Cochinchine*” cho biết như sau:

*“Vào tháng 10 năm 1777, hoàng tử trẻ tuổi Nguyễn Ánh cùng vợ, con trai còn thơ ấu và người em gái đã trốn thoát quân Tây Sơn do sự giúp đỡ của Đức Cha Bá Đa Lộc. Nhờ có đêm tối, họ chạy được rất xa kinh thành (thị trấn Long Xuyên) và trú ẩn trong một khu rừng, nơi đó trong nhiều tháng họ đã sống dưới những chùm lá. Đức Cha sai linh mục Paul Hồ Văn Nghi, không quản nguy hiểm để tính mạng, hàng ngày đem lương thực đến tiếp tế. Sau đó Nguyễn Ánh và gia quyến chạy ra Phú Quốc rồi đến trú ẩn tại đảo Thổ Châu (Poulo Panjiang.)”<sup>18</sup>*

Tuy có nhiều cảm tình với vị giám mục này và Bá-đa-lộc đã muốn Nguyễn Ánh theo đạo Thiên Chúa để làm gương cho giới sĩ phu và dân chúng noi theo, nhưng Chúa Nguyễn không nghe. Theo Ngô Giáp Đậu trong Hoàng Việt Long Hưng Chí thì về sau Nguyễn Ánh từng nói: “*Bá-đa-lộc đánh Đông dẹp Bắc, là người ngu xuẩn, trí trá, nhưng có thể sai khiến được.*” Trong Sử Ký Đại Nam Việt cũng có chỗ chép rằng “*mỗi khi Vua muốn sai khiến điều gì mà Bá-đa-lộc cưỡng lại thì y như rằng mấy hôm sau các quan nào có đạo đều bị bắt bớ khiến Bá-đa-lộc phải đến xin tha, chịu nước lếp v.v...*”

Trong một lá thư gửi cho Linh mục Ledontal ở Macao, Giám mục Bá Đa Lộc cho biết rằng Nguyễn Ánh không chống lại việc truyền đạo Thiên Chúa giáo nhưng lại đã kích

việc đạo này không cho phép giáo dân thờ cúng ông bà tổ tiên. Nguyễn Ánh đã nói với Bá Đa Lộc như sau:

*“Nên ước mong rằng tập quán ấy (việc thờ cúng tổ tiên) có thể hòa hợp với đạo lý Ky Tô, bởi vì theo tôi nhận thấy ngoài việc ấy ra thì chẳng có chi ngăn cản toàn vương quốc tôi biến thành một nước Ky Tô. Chính tôi đã cảm đoán những cổ tục đồng bóng và tử vi (l’astrologie “judicaire”); tôi coi sự thờ thần thánh như sai lầm và dị đoan mê tín. ..Tục độc thê (một vợ một chồng) cũng không phải là một nguyên tắc mà chúng tôi phải khó khăn chấp nhận. Tuy nhiên tôi tha thiết với việc thờ cúng tổ tiên và như tôi đã nói với ông, tôi không thấy tập tục ấy có gì là đáng chê cười (ridicule) vì tập tục đó là căn bản của nền giáo dục của chúng tôi. Tục ấy khiến cho trẻ con, ngay từ khi tuổi hầy còn thơ, phải kính trọng cha mẹ và dành cho cha mẹ cái uy quyền cần thiết để ngăn chặn bao nhiêu hỗn loạn trong gia đình. Việc tôn kính tổ tiên đã thành ra công khai, lan rộng và bắt rễ. .. Tôi yêu cầu ông lưu ý đến điểm ấy mà cho phép giáo dân được tiến gần hơn tí nữa với những người dân khác của tôi (những người không theo đạo Ky Tô). Việc đó rất đáng mong mỏi cho người thường dân và cũng lại rất cần thiết đối với những người giữ địa vị cao quý trong quốc gia.”<sup>19</sup>*



Vua Gia Long  
(Hình vẽ trong tự điển Larousse )

Như vậy thì từ thế kỷ thứ 18, Nguyễn Ánh đã có những tư tưởng rất tiến bộ về tín ngưỡng và chủ trương đạo Thiên Chúa nên cho phép giáo dân người Việt Nam được quyền thờ cúng tổ tiên là một điều vô cùng hợp lý. Tuy nhiên phải đợi đến ngày 8 tháng 12 năm 1931, tức là hơn 150 năm sau, ý kiến này của Nguyễn Ánh mới được Tòa Thánh Vatican chấp thuận và Giáo Hoàng Pio XI mới ký *Instruction “Plane Copertum”* cho phép giáo dân người Á Đông được phép thờ cúng, kỵ giỗ ông bà tổ tiên.

Vào thời đó, những người Anh theo đạo Tin Lành Anh giáo, người Hòa Lan theo Cơ Đốc Giáo Calvin (Calvinists) và người Bồ Đào Nha tuy rằng cũng theo Thiên

Chúa giáo nhưng lại không phải là đồng minh của Pháp, họ từng lui tới Xứ Đàng Trong và cũng đã tìm cách mua chuộc cảm tình cũng như lôi kéo Nguyễn Ánh về phe với họ, tuy nhiên Bá Đa Lộc thấy rằng đây là lúc thuận tiện nhất để lấy cảm tình với Nguyễn Ánh cho nên ông ta đã đề nghị Nguyễn Ánh nên tìm sự giúp đỡ của triều đình nước Pháp, quốc gia hùng mạnh nhất ở Âu châu để chiếm lại ngai vàng trong tay nhà Tây Sơn. Nguyễn Ánh nghe lời và ủy nhiệm cho Bá Đa Lộc làm đại diện cho Nguyễn Ánh, mang theo quốc ấn và Đông Cung Thái Tử, cầm đầu một phái đoàn sang Pháp yêu cầu Vua Louis XVI viện trợ cho Nguyễn Ánh chống lại quân Tây Sơn.<sup>20</sup>

### ***Cuộc Tây Du của Hoàng Tử Cảnh***

Theo sử Việt Nam thì Hoàng Tử Cảnh ra đời vào năm 1780, đã được Chúa Nguyễn Ánh gửi đi theo Giám mục Bá Đa Lộc cùng với hai ông Phạm Văn Nhâm và Nguyễn Văn Liêm sang Pháp cầu viện vào năm 1784, lúc đó mới có 4 tuổi. Phái đoàn Bá Đa Lộc rời khỏi Xứ Đàng Trong hay Nam Hà vào ngày 15 tháng 10 năm Giáp Thìn (25-11-1784) và đến hải cảng Pondichéry (Ấn Độ) vào tháng 2 năm 1785. Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh phải đợi ở đó trong vòng hơn một năm trời, đến giữa năm 1786 mới đáp tàu *Aréthuse* sang Pháp và đã đến hải cảng Lorient của Pháp vào tháng 2 năm 1787. Ba năm sau ngày rời khỏi Việt Nam, Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh được Pháp Hoàng Louis thứ 16 tiếp kiến tại điện Versailles vào ngày 5 tháng 5 năm 1787, lúc đó ông hoàng tử này mới được 7 tuổi.



*Vua Louis XVI*

Cự Hoàng Bảo Đại, vị hoàng đế thứ 13 và cũng là cuối cùng của Nhà Nguyễn, có cho biết về chuyến đi của Hoàng Tử Cảnh như sau:

*“Khi cha tôi bảo cho tôi biết là sẽ sang Pháp, Người đã lưu ý tôi rằng tôi là hoàng tử thứ hai của triều đại đã đi xa như vậy. Bởi vì vào năm 1787, Hoàng tử Cảnh*

mới lên bảy tuổi và là con của Hoàng Đế Gia Long là vị vua sáng lập ra triều đại, đã tới cung điện Versailles cùng với Đức Cha Bá Đa Lộc (Mgr. Pigneau de Béhaine.) Vua Gia Long khi ấy đang bị mất đất, muốn tìm một đồng minh cường mạnh ở phương tây, để liên kết chứ không phải để phụ thuộc làm chư hầu. Vì thế, Ngài cử Đức Cha này sang Pháp để ký với quốc vương nước ấy một hiệp ước hữu nghị viện trợ. Với sứ mạng đó, Ngài phong cho Đức Cha được toàn quyền, và để chứng minh sự tấn phong này, Ngài đã giao cả quốc tử cho ông để làm bằng. Hơn thế nữa, Ngài muốn cho sứ bộ này tính chất quan trọng tuyệt đối và sự tín nhiệm vô biên của Ngài, nên đã trao con Ngài là Hoàng Tử Cảnh cho Đức Cha mang đi.

“Sứ bộ đã đạt kết quả. Ở triều đình Versailles, ông Hoàng tử tí hon Nam Kỳ đã chinh phục được tất cả mọi cảm tình, kể cả Hoàng Thái Tử, con trai của Vua Louis XVI và Hoàng Hậu Marie Antoinette, vốn cùng tuổi với hoàng tử. Trong một xã hội chán ngán của của hậu thế kỷ thứ 18, Hoàng Tử Cảnh đã mang lại điều bí mật của phương Đông. Quả là một kỳ quan cần phải cho nổ tung ra. Thế là chàng Léonard bất hủ, thợ làm tóc cho Hoàng Hậu Marie Antoinette liền tung ra một “khăn quấn đầu kiểu ông hoàng Nam Kỳ”<sup>21</sup> cho quý khách nam và “búi tóc kiểu Trung Hoa” cho quý khách nữ. Người ta say mê đi mua sắm những đồ sứ, đồ sơn của Viễn Đông. Đức Cha Bá Đa Lộc ký được hiệp ước tương trợ cả về công lẫn thủ và những lời hứa hẹn viện trợ. Sau bốn năm vắng mặt, Hoàng Tử Cảnh về nước năm 1789 và chết năm 1801, và chưa được lên ngôi ngày nào. Hoàng Tử Louis Joseph Xavier François, người bạn nhỏ xa xôi từng đùa giỡn với nhau trong vườn điện Versailles cũng chết vì bệnh tim mắc từ năm 1789.”<sup>22</sup>

Trong một bài biên khảo tên là “Đông Cung Nhựt Trình” được đăng trên tạp chí Chim Việt Cành Nam, số tháng 8 năm 2006, tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh cho biết rằng bà mới tìm được bộ sách mang tên là “Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký” do nhà in Tân Định xuất bản vào năm 1879 nhưng không có đề tên tác giả. Bà Chân Quỳnh cho biết cuốn sách này gồm có Phần Chính từ trang 1 đến trang 174 bằng văn xuôi nói về lịch sử nước ta từ năm 1737 cho đến năm Vua Gia Long phục quốc (1802), ngoài ra còn có Phần Phụ Thêm bằng văn vần trong đó có 3 đoạn, từ trang 175 đến trang 256 bằng văn vần. Đoạn đầu trong Phần Phụ Thêm này, từ trang 175 đến trang 188, mang tên là “Đông Cung Nhựt Trình” có kể chuyện Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện.

Người viết có liên lạc hỏi thăm bà Trần Thị Chân Quỳnh và xin bà cho biết thêm một số chi tiết về cuộc Pháp du của Hoàng Tử Cảnh qua cuốn sách này nhưng bà trả lời rằng những điều kể lại trong 14 trang giấy về chuyến đi đó thì bà đã ghi lại hết trong bài viết, không có một chi tiết nào đặc biệt.

Người viết xin trích lại một đoạn trong bài viết của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh:

**“Nhật Trình Đông Cung Ký Tây Bang, Vãng Hội Bốn Quốc”:**

Tuy gọi là "nhật trình" nhưng chỉ thuật sơ lược chứ không ghi chép tuần tự theo ngày tháng những sự việc xảy ra trong chuyến đi Tây của Hoàng tử Cảnh. Người đọc có cảm tưởng tác giả chưa hề bước chân sang Pháp nên mô tả phong cảnh nước "Lang-sa" theo kiểu mẫu Á đông :

"Đại thành rực rỡ nghiêm trang,

Cửa son chói lói, lầu vàng oai nghi."

Khi Bá-đa-lộc vào triều kiến vua Louis XVI, tác giả cũng cho Đức Cha theo nghi lễ của thần tử nước Nam đối với vua chúa nước Nam :

"Bước tới đơn trì, lạy tạ phân thừa"

Hoàng tử Cảnh lúc ra đi lên 4, lúc về lên 9, thế mà tác giả đặt vào miệng Hoàng tử Cảnh những lời lẽ quá già dặn :

"Đem tôi về đất nước Ta,

Lạ lòng phong thổ, cây Thầy dưỡng nuôi.

Thở than kể hết mọi lời,

Mới nên bốn tuổi nỗi này gian nan." .<sup>23</sup>

Trong phần đầu của cuốn sách này tức là phần văn xuôi nói về lịch sử từ năm 1737 đến năm 1802 cũng có vài đoạn ngắn nói về chuyến đi Pháp cầu viện của Hoàng Tử Cảnh. Phần này đã do Giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ và nhóm Nghiên Cứu Sử Địa tìm ra và in lại vào năm 1974 với tựa đề: “*Annales Annamites: Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều*” và đã được in lại ở Sài Gòn vào năm 1974 và ở Canada vào năm 1986 với lời chú giải: do nhà in Dòng Tân Định (Imprimerie de la Mission à Tân Định) in lần thứ 5 vào năm 1909.

Trong phần này, có đoạn như sau nói về Hoàng Tử Cảnh:

“Khi ấy ông Đông Cung mới sáu, bảy tuổi. Vua cũng cho 4 người An-Nam khác theo giúp con mà trong bốn người ấy thì có em bà hoàng hậu tên là Sóc. Lại có 2 quan lớn Vua sai làm thầy dạy con.

Ông Đông Cung sáng dạ và tính tình hiền lành, mau thuộc kinh và có lòng mến sư đạo. Có một điều này lạ là khi ấy người còn ít tuổi, chưa biết mình có ý đi đâu mặc lòng, song le cũng sẵn lòng theo Đức Thầy tức thì, chẳng khóc lóc, chẳng ra dấu nhớ cha mẹ chút nào.”<sup>24</sup>

Trong phần sau, lại có thêm mấy câu về Vua Louis XVI và Hoàng Tử Cảnh: “Mà Vua Lang-sa là Vua Lu-y thứ 16 thì càng tỏ ra lòng thông hơn nữa, và thết đãi ông Đông Cung cách trọng thể cho xứng đáng bậc con vua.”<sup>25</sup>

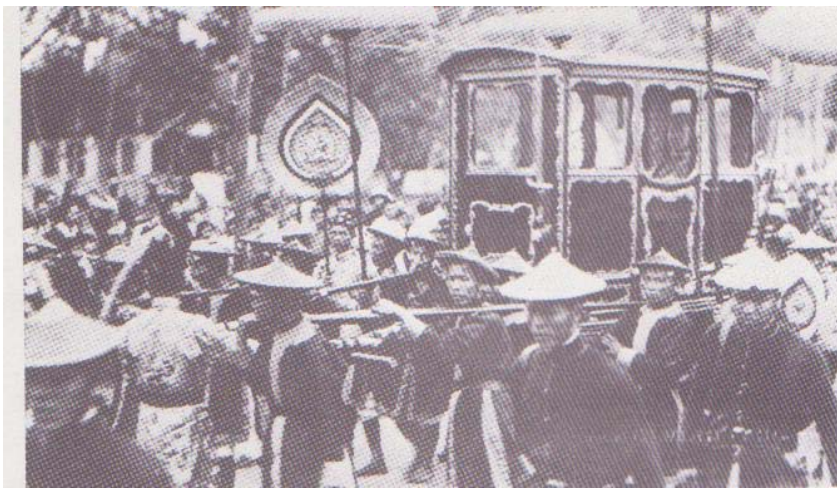
Theo những tài liệu của Hội Truyền Giáo Hải Ngoại còn lưu lại thì trong thời gian Bá Đa Lộc vận động với Vua Louis XVI xin giúp cho Nguyễn Ánh, đã có rất nhiều quan đại thần trong triều không ủng hộ vì họ cho rằng việc này quá tốn kém, nước Pháp lại vừa bị thất bại ở Hòa Lan, do đó tài chánh thiếu hụt không lo nổi. Về phương diện quân sự, nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì Pháp phải mang quân đi hành quân cách xa căn cứ quân sự từ đảo Ile de France (sau này là đảo Maurice thuộc Anh), nếu khi có chiến tranh mà người Anh phong tỏa eo biển Malacca, người Hòa Lan đóng cửa eo biển La Sonde thì Pháp sẽ bị hoàn toàn cô lập ở Cochinchina. Tuy nhiên cũng có một số người khác có thế lực ở trong triều và thân với Hoàng Hậu Marie-Antoinette như là Đức Hồng Y Loménie de Brienne, nhân vật mà chẳng bao lâu sau đó được cử làm thủ tướng, Tổng Giám mục Narbonne và nhất là Linh mục Vermont, quan thị độc của Hoàng Hậu lại ủng hộ việc này và cho rằng nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì nước Pháp sẽ có lợi rất nhiều về chính trị và thương mại.

Tài liệu này cho biết sau cùng thì phe thân Hoàng Hậu thắng thế một phần cũng nhờ *“cậu bé Hoàng Tử Cảnh mới lên 8 tuổi mà tình cảnh đáng thương, diện mạo lại khả ái khiến cho Hoàng Hậu Marie-Antoinette rất cảm mến và do đó đã hết lòng giúp đỡ.”*

Ngày 28-11-1787, Bộ Trưởng Ngoại giao Pháp là de Monmorin, đại diện cho Vua Louis XVI và Giám mục Bá Đa Lộc, đại diện cho Vua nước Nam Hà (Chúa Nguyễn Phúc Ánh,) ký kết một hiệp ước gồm 10 điều khoản gọi là Hiệp ước Versailles tuy nhiên về sau thì vì gặp phải nhiều khó khăn về tài chánh, nước Pháp không thi hành hiệp ước này và chỉ hai năm sau, Vua Louis XVI bị cách mạng Pháp lật đổ vào năm 1789 và cả hai vợ chồng vị vua này đã bị đưa lên máy chém vào năm 1793. Bá Đa Lộc cùng Hoàng Tử Cảnh về đến Việt Nam vào ngày 24 tháng 6 năm 1789 với bản hiệp ước không bao giờ được thi hành cùng một số người Pháp tình nguyện do Bá Đa Lộc tuyển mộ và cũng có mang về được một vài món quà do Vua Louis XVI tặng cho Chúa Nguyễn Phúc Ánh.<sup>26</sup>

Trong cuốn hồi ký *“Con Rồng Việt Nam”*, Cựu Hoàng Bảo Đại có nói đến một trong những tặng phẩm của Vua Louis XVI gửi cho Nguyễn Phúc Ánh hồi thế kỷ thứ 18 khi kể lại buổi lễ ông được tấn phong làm Đông Cung Thái Tử vào ngày 22 tháng Giêng năm 1922 như sau:

*“Vào 8 giờ sáng, Hoàng Đế (Vua Khải Định) được xa giá ra ngự triều. Xa giá của Ngài là chiếc kiệu có lính khênh. Chiếc kiệu này có một lịch sử khá dài. Quốc Vương Louis XVI của nước Pháp đã gửi tặng tổ tiên tôi là Hoàng Đế Gia Long, khi ký hòa ước Versailles năm 1787, giao kết giữa hai nước, và do Đức Cha Bá Đa Lộc, lúc ấy là sứ thần của Chúa Nguyễn, khi đưa Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện. Từ đó, chiếc kiệu được dùng làm vật di chuyển cho các vị tiên đế để đi lại trong thành nội.”<sup>27</sup>*



*Vua Bảo Đại ngự kiệu do Vua Louis XVI tặng Nguyễn Phúc Ánh năm 1787  
(Hình trích trong Con Rồng Việt Nam của Bảo Đại)*

24 năm sau, dưới thời Vua Louis XVIII (1814-1824), có một chiến thuyền của Pháp tên là Cybèle đến Đà Nẵng và thuyền trưởng là Bá tước De Kergarison đã thông báo với triều đình Huế là Pháp Hoàng sai ông sang đòi Việt Nam phải thi hành bản Hiệp ước Versailles mà Giám mục Bá Đa Lộc đã ký kết với Pháp vào năm 1787 tại Paris. *Vua Gia Long sai quan trả lời rằng những điều ký kết trong bản hiệp ước Versailles đã không hề được nước Pháp thi hành thì nay bỏ đi không nói đến làm gì nữa.*<sup>28</sup>

### ***Le Petit Prince***

Vào năm 1787, hai năm trước ngày cách mạng Pháp lật đổ chế độ quân chủ phong kiến của Vua Luis 16 và Hoàng Hậu Marie-Antoinette, giới quý tộc, nhất là các bà mệnh phụ phu nhân đã nắm rất nhiều ảnh hưởng trong triều đình cũng như là trong xã hội. Các bà mệnh phụ quý tộc đã tỏ ra vô cùng thương xót và dành rất nhiều cảm tình cho cậu bé hoàng tử Le Petit Prince và họ tranh nhau tổ chức tiệc tùng để mời cho được cậu bé này đến tham dự. Hoàng Hậu Isabella của xứ Y Pha Nho (Spain) cũng mời cho được Le Petit Prince đến dự một buổi tiệc do bà đứng ra tổ chức và đã ôm cậu vào lòng như một người mẹ.

Riêng *Hoàng Hậu Marie Antoinette* thì tỏ ra vô cùng sủng ái cậu bé hoàng tử Đông phương này. Bà đã cho phép người thợ làm tóc của bà là Léonard sửa lại mái tóc cho hoàng tử, bỏ cái khăn lĩnh của người Việt Nam và thay vào đó bằng một cái khăn màu đỏ có thắt nơ do chính Léonard vẽ kiểu. Ngoài ra lại còn may cho hoàng tử một bộ y phục kiểu Pháp pha trộn Á Đông, thay vì mặc áo dài quần dài như người Việt Nam thì mặc áo bào, quần ống chèn và mang giày ống (bottes).

Một họa sĩ nổi danh thời đó là ông Maupérin đã vẽ lại chân dung của Hoàng tử Cảnh trong bộ y phục này và sau đó vào năm 1791, bức tranh này đã được trưng bày tại Académie Royale de Peinture et Sculpture (Viện Hàn Lâm Hoàng Gia về Hội họa và Điêu khắc) và hiện nay vẫn còn được trưng bày tại Hội Truyền Giáo Hải Ngoại tại Pháp.



*Chân dung Hoàng Tử Cảnh  
(do họa sĩ Maupérin vẽ năm 1787)*

Từ giới quý tộc, Le Petit Prince cũng được giới thượng lưu và trí thức, giới văn nghệ sĩ ngưỡng mộ và họ đã tổ chức nhiều cuộc họp mặt tại những xa-lông chính trị để đón tiếp và vinh danh vị hoàng tử này. Vào thời cuối thế kỷ thứ 18, thành phố Paris được xem như là thủ đô của nền văn học nghệ thuật của thế giới và giới văn nghệ sĩ là những người có tinh thần lãng mạn cho nên họ đã viết những bài văn, bài báo và bài thơ nồng nhiệt ca ngợi vị hoàng tử bé con mới có 7 tuổi này.

Theo cụ Hoàng Cơ Thụy thì “*Trong 10 tháng ở Pháp, cậu hoàng tử Cảnh mới lên 8 đã được chơi đùa với cậu Thái Tử Louis mới lên 2 (sinh năm 1785), con của Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie-Antoinette, có họa sĩ Maupérin của hoàng gia Pháp vẽ*

tranh chân dung. Các ông hoàng bà chúa Pháp tranh nhau mời cậu đến chơi. Họ làm một bài thơ phổ nhạc, đoạn chót như sau:



*Hoàng Hậu Marie-Antoinette và các con.  
(Tranh vẽ của Marie Louise Élisabeth Vigée-Lebrun.)*

*“Que son sort est intéressant!  
Fait pour porter le diadème,  
On le voit assis parmi nous!  
Royal enfant, consolez-vous,  
Vous régnerez: Adran vous aime.”<sup>29</sup>*

Bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh cũng cho biết thêm thêm một vài chi tiết:

*“5/5/1787 : vào triều kiến ở Versailles. Hoàng tử Cảnh khôi ngô, rất được chú ý. Giám mục thuê Léonard (người hầu chải đầu cho Hoàng Hậu Marie Antoinette) sửa tóc cho Hoàng tử, bỏ khăn nhiễu thay bằng khăn lĩnh (satin) đở thắt múi (noeud), do Léonard vẽ kiểu. Lại may cho Hoàng tử một bộ y phục kiểu Pháp pha Á đông, bỏ áo dài, quần lụa, và thuê họa sĩ Maupérin vẽ chân dung Hoàng tử Cảnh mặc áo đỏ, đi hia đỏ, tay phải đặt lên một cái mũ, đầu quấn khăn Léonard. Bức tranh này được trưng bày ở Académie Royale de Peinture et Sculpture (Hàn lâm viện Hội họa và Điêu khắc) năm 1791, sau do Hội Truyền giáo nước ngoài ở Paris giữ. Dân Pháp nồng nhiệt đón chào,*

nhều người làm thơ về Bá-đa-lộc và Hoàng tử Cảnh... Xin trích mấy câu trong bài thơ được đọc giữa bữa tiệc ở Versailles, đăng trên một tờ báo ở Paris :

“Ta hãy bắt đầu bằng hài đồng nổi tiếng  
Mà số phận đáng cho ta lưu ý :  
Sinh ra để đội mũ miện  
Nay lại ngồi chung với chúng ta.  
Hoàng tử bé bỗng ơi, hãy vui lên  
Một ngày kia Hoàng tử sẽ lên ngôi,  
Bá Đa Lộc rất thương yêu hoàng tử.”<sup>30</sup>

### **Thomas Jefferson và Hoàng Tử Cảnh Gặp Gỡ ở Paris**

Thomas Jefferson đến Pháp nhận chức Sứ Thần Toàn Quyền của Hoa Kỳ vào năm 1784 và ông đã được vị sứ thần tiền nhiệm là *Benjamin Franklin* đưa đi giới thiệu khắp mọi giới tại Paris. Benjamin Franklin cũng là một đại nhân tài của nước Mỹ, là một trong những người đã ký tên vào Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ vào năm 1776 và là một nhân vật được hầu hết mọi thành phần từ quý tộc, thượng lưu, trí thức cho đến nghệ sĩ tại Âu Châu rất mến chuộng và họ coi ông như là bậc cha chú vì năm đó ông đã 79 tuổi.

Benjamin Franklin cũng còn là một hội viên cao cấp đứng vào hàng lãnh đạo của Hội *Free Masonry* (Franc-Măconerie, Tam Điểm) tại Philadelphia, cũng như vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ là George Washington cũng là một hội viên của hội này. Free Masonry là một hội kín (confidential society) được thành lập tại London vào năm 1717 và có hội viên gần như trên khắp thế giới, trong đó có cả Việt Nam và ông Hồ Chí Minh cũng là một hội viên của hội này khi còn ở Pháp. Hội Tam Điểm không phải là một tôn giáo nhưng khi nhập hội thì người hội viên đó phải tuyên thệ “tôi tin tưởng vào một Đấng Thiêng Liêng Tối Cao (*Supreme Being*)”, tuy vậy Giáo Hội Vatican vẫn cấm không cho giáo dân gia nhập hội này. Các vị Giáo Hoàng như Clement XII đã ban lệnh cấm *In Eminenti* ngày 28 tháng 4 năm 1738 và Leo XIII ban lệnh *Ab Apostolici* ngày 15 tháng 10 năm 1890 và gần đây nhất, vào năm 1983 Đức Hồng Y Joseph Ratzinger, bây giờ là Giáo Hoàng Benedict XVI, đã ban giáo lệnh *Quaesitum est*. cấm người theo đạo Thiên Chúa không được gia nhập Hội Tam Điểm và những kẻ bất tuân thì sẽ bị dứt phép thông công.

Vào thế kỷ thứ 18, gần như đa số những người hàng đầu trong giới trí thức, văn hóa, nghệ thuật, tài chánh, chính trị và quân sự tại Âu Châu đều là hội viên của Hội Tam Điểm, do đó Benjamin Franklin có ảnh hưởng và được rất nhiều cảm tình trong các giới này tại Pháp. Ông ta đã đưa Thomas Jefferson đi giới thiệu khắp nơi và nhờ

đó Jefferson đã được quen biết với những nhà trí thức hàng đầu cũng như là những nghệ sĩ, những người trong giới chính trị của Pháp, điều đặc biệt là ông rất được Hoàng Hậu Marie-Antoinette sủng ái. Ngoài ra, Jefferson cũng là bạn thân của Hầu Tước Lafayette, vị anh hùng người Pháp trong thời Chiến Tranh Cách Mạng ở Hoa Kỳ và cũng là một hội viên Tam Điểm, do đó Lafayette đã giới thiệu ông với giới quý tộc và một trong những người ái mộ Jefferson lại chính là Hoàng Hậu Marie-Antoinette.

Hoàng hậu đã tiếp đãi Jefferson lần đầu tiên với chiếc nón vẽ theo kiểu tượng Nữ Thần Tự Do:

*“Vào một ngày giữa tháng 8 năm 1784, Hoàng Hậu Marie-Antoinette ngắm mình trong chiếc gương dài rồi quay lại nhìn Léonard, người thợ chuyên làm đầu tóc (coiffeur) hàng ngày phải đi xe ngựa từ Paris về Điện Versailles để lo việc sửa soạn đầu tóc cho hoàng hậu trong buổi tiệc hàng đêm. Biết ý, Léonard hỏi hoàng hậu: “Thưa Lệnh Bà, hôm nay Lệnh Bà thích kiểu tóc nào: chim chóc, hoa lá hay thuyền bè? À, hôm nay có hai người khách quý Hoa Kỳ tham dự, người bạn thân của Lệnh Bà, ông Benjamin Franklin và người khách mới từ nước Mỹ, Thomas Jefferson. Lệnh Bà có muốn làm một kiểu tóc đặc biệt nào để chào mừng họ hay không? Chúng ta có thể làm một kiểu tóc đặc biệt để làm tượng trưng cho cái điều gọi là “Bản Tuyên Ngôn Độc Lập” mà ông Thomas Jefferson đã viết!”*

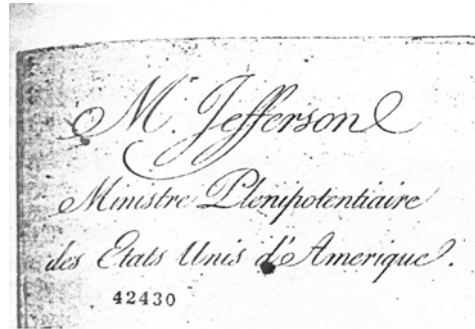
Hoàng Hậu Antoinette gật đầu tán thưởng ý kiến độc đáo này và bà hân hoan ngắm lá cờ nhỏ với 13 vạch và chữ “La Liberté” mà Léonard đã gắn với nhiều hoa, dây ru-băng và ren (lace.) Ngắm bóng mình trong gương với kiểu đầu tóc mới, Hoàng Hậu Marie-Antoinette rất hài lòng và không ngần ngại dành lời khen ngợi dành cho người thợ làm tóc thân tín: “C’est magnifique!” (Thật là tuyệt diệu.)<sup>31</sup>

### ***Hoàng Tử Cảnh Hứa Hẹn Tặng Lúa Giống Cho Thomas Jefferson***

Có lẽ ông sứ thần Hoa Kỳ Thomas Jefferson đã gặp gỡ Hoàng Tử Cảnh trong những dịp này và vì đã nghe đến loại lúa giống trồng trên cạn từ xứ Cochinchina cho nên ông đã không bỏ lỡ cơ hội làm quen với vị hoàng tử xứ Cochinchina để xin một ít hạt giống của loại lúa này. Có lẽ Hoàng Tử Cảnh cũng có “hứa hẹn một cách chắc chắn” về việc này vì đó là một chuyện không lấy gì làm khó khăn, do đó mà ông Thomas Jefferson tỏ ra lạc quan khi ông viết thư cho William Drayton vào tháng Giêng năm 1788, chỉ không đầy một tháng sau khi Hoàng Tử Cảnh xuống tàu về nước vào cuối tháng 12 năm 1787.

Dù rằng có sự hứa hẹn của Hoàng Tử Cảnh nhưng dường như về sau thì việc mua lúa giống này cũng bất thành vì Hoàng Tử Cảnh và Giám mục Bá Đa Lộc phải mất gần hai năm trời mới về đến Việt Nam vào tháng 6 năm 1789, tức là chỉ một tháng trước ngày cách mạng Pháp xảy ra vào ngày 14 tháng 7 năm 1789. Lúc đó vị

hoàng tử bé con này mới được 8 tuổi và chắc là vì còn là một đứa trẻ con cho nên cậu ta cũng quên mất lời hứa hẹn này dù rằng Hoàng Tử Cảnh mãi đến năm 1801 mới qua đời vì bệnh đậu mùa. Về phần Giám mục Bá Đa Lộc thì ông vốn là người Pháp cho nên dĩ nhiên là ông ta chỉ muốn dành ảnh hưởng tại Việt Nam cho người Pháp và do đó mà chẳng có măn mòi gì trong việc nhắc lại với Chúa Nguyễn Phúc Ánh lời yêu cầu của ông Thomas Jefferson, một điều chỉ có lợi cho nước Mỹ.



*Danh thiếp của Sứ Thần Toàn Quyền Thomas Jefferson tại Pháp, 1784-1789.*

Sau gần hai năm chờ đợi mà vẫn không nhận được tin tức gì từ phía Le Petit Prince, vào ngày 11 tháng 3 năm 1789, Jefferson đã viết thư cho ông Malesherbes, một nhà sinh vật học người Pháp nhờ ông này giúp cho Jefferson mua lại một trong những loại lúa giống cạn từ xứ Cochinchina vì loại lúa này chỉ cần nước mưa chứ không cần phải dẫn thủy nhập điền. Jefferson viết cho Malesherbes như sau:

*“Ông là một người đã được nổi danh và có rất nhiều uy tín về những sự cố gắng nhằm cải thiện và mang lại những điều lợi ích cho đời sống con người, nhất là trong lãnh vực nông nghiệp, do đó tôi xin mạn phép viết thư này nhờ ông giúp đỡ trong việc tìm giúp cho chúng tôi có được một trong những loại lúa được trồng trên vùng cao nguyên của xứ Cochinchina, loại lúa này không cần phải có nhiều nước, chỉ cần có nước mưa thiên nhiên là sống được.*

*Tôi nghĩ rằng việc trồng loại lúa này ở Carolina sẽ được thành công vì mặt trời và đất đai ở vùng này rất thích hợp với loại lúa cạn đó. Theo sự mô tả của ông Pierre Poivre thì những đặc tính của loại lúa cạn này có thể được dùng để thay thế cho những loại lúa mà nông dân vùng Carolina đang trồng, loại lúa rất cần đến nước mà do đó cả hai tiểu bang North và South Carolina đều dường như là phải chìm trong biển nước trong mùa lúa khiến cho dân chúng trong toàn vùng này nhiều khi bị nhiễm bệnh dịch sốt rét chết người. Tôi xin ông vui lòng giúp cho tôi kiếm được một ít hạt giống của loại lúa cạn từ xứ Cochinchina này và đó là một điều ân huệ cao quý nhất mà ông đã giúp cho nhân dân của nước Hoa Kỳ mà tôi đã nhân danh họ nhờ đến sự giúp đỡ quý báu này của ông.”<sup>32</sup>*

Pierre Poivre, người mà Thomas Jefferson đề cập đến và cho ông ta biết về loại giống lúa cạn của xứ Cochinchina là một người không xa lạ gì với Xứ Đàng Trong vào thời Chúa Võ Vương, tức là ông nội của Vua Gia Long sau này.

Sử gia Lê Văn Hảo cho biết rằng “*Chúa (Võ Vương) còn trọng dụng nhiều người nước ngoài, nhất là các giáo sĩ, ở các cương vị ngự y, cố vấn như Jean Koffler, Charles Slamenski và vui vẻ đón tiếp những doanh nhân nước ngoài năng động như Pierre Poivre v.v.*”<sup>33</sup>



*Pierre Poivre (1719-1786)*

Pierre Poivre là một nhà thảo vật học người Pháp từng du hành qua nhiều nước Á Châu và đến Xứ Đàng Trong vào năm 1749 và ở lại xứ này trong hai năm. Ông ta từng sống tại Faifoo và Huế, đã có liên lạc rất thân thiết với Trương Phúc Loan, cậu ruột của Chúa Võ Vương (trị vì từ 1738-1765) mà Poivre gọi là “*Ông Ngoại Tả*” tức là một vị thượng thư đứng đầu việc ngoại giao và thương mại với người ngoại quốc. Theo Pierre Poivre thì dưới thời Chúa Võ Vương, có 4 nhân vật đứng hàng đầu trong triều đình là Nội Tả, Ngoại Tả, Nội Hữu và Ngoại Hữu, tuy nhiên Trương Phúc Loan là người có quyền thế nhất vì ông ta là “*Cậu của Vua*” (oncle maternel du Roi). Trong cuốn sách “*Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine*,” Poivre có kể rõ những sự làm ăn, liên lạc về tiền bạc với Trương Phúc Loan từ khi ông đến Huế vào ngày 26 tháng 9 năm 1749 cho đến khi ông không còn được Trương Phúc Loan trọng đãi nữa vào tháng 12 năm đó.<sup>34</sup>

Poivre cho biết rằng ông ta có mang một ít lúa giống và cây cỏ của Xứ Đàng Trong về trồng thử tại đảo Île de France, sau này gọi là đảo Maurice. Ông đã thành

công trong việc gây giống cây hồ tiêu, một hương liệu được xem là vô cùng quý giá ở Âu châu thời đó, vì vậy mà người Pháp đã dùng tên của ông, *poivre*, để đặt tên cho loại gia vị này. Tuy nhiên ông đã không thành công trong việc thí nghiệm trồng thử loại lúa giống của Cochinchina vì loại lúa này không mọc được trong vùng ở ngoài Á châu.

Vì đặc biệt quan tâm đến loại lúa giống này cho nên cũng cùng trong một ngày hôm đó, ngày 11 tháng 3 năm 1789, sau khi gửi thư cho Malesherbes, Thomas Jefferson đã gửi một bức thư khác cho ông Benjamin Vaughn ở London cũng đề cập đến vấn đề này:

*“Được biết ông là người suốt đời tận tụy trong việc mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại, tôi xin mạo muội gửi thư này kính nhờ ông giúp cho một việc vô cùng hữu ích cho một số đông dân chúng ở nước Hoa Kỳ. Ông đã biết rằng các loại lúa trồng tại Ai Cập, Piedmont và Carolina đều cần phải có nước trong một khoảng thời gian nào đó cho nên đã sinh ra muỗi mòng khiến cho một số người bị chết vì bệnh sốt rét, còn những may mắn được sống sót thì cũng phải chịu rất nhiều nỗi bất hạnh.*

*Trong cuốn sách nói về các phong tục và nghệ thuật của Á và Phi Châu, ông Pierre Poivre có cho biết rằng tại xứ Cochinchina, người dân ở đó có trồng 3 loại lúa ở trong vùng đất trên miền núi mà ngoài nước mưa thiên nhiên thì không cần phải tưới gì cả và phẩm chất của những loại lúa này nói chung thì cũng chẳng kém gì các loại lúa trồng dưới nước.*

*Tôi nghĩ rằng Ông là người có thể quen biết nhiều với những giới có nhiều liên hệ với các nước Á Châu và có thể họ đã cung cấp cho ông một ít hạt giống lúa cận thuộc loại tốt nhất từ xứ Cochinchina, và nếu mà ông có được loại lúa đó thì tôi nghĩ rằng ông sẽ không tiếc gì mà tặng cho chúng tôi một ít. Điều đó sẽ cứu giúp cho tính mạng của hàng ngàn người và sức khỏe của hàng chục ngàn người dân vùng Carolina hàng năm... Nếu nhờ sự giúp đỡ của ông mà chúng tôi có được một ít hạt giống này thì tôi sẽ gửi một ít về trồng thử tại Carolina và một ít thì chính tôi sẽ trồng thử tại quê tôi, tiểu bang Virginia và sau đó thì sẽ trồng sang các tiểu bang lân cận.”<sup>35</sup>*

Sau này người ta không thấy ông Benjamin Vaughn trả lời bức thư của Thomas Jefferson, tuy nhiên ông Malesherbes thì đã phúc đáp ngay sau đó. Trong lá thư bằng tiếng Pháp đề ngày 12 tháng 3 năm 1789, Malesherbes đã cho Thomas Jefferson biết rằng:

*“Sự trả lời cho các câu hỏi của ông ngày hôm qua thì chẳng lấy gì làm dễ dàng lắm đâu.*

*1-Loại lúa cận từ Cochinchina đã được trồng thử tại Paris và vùng phụ cận nhưng lúa này không bao giờ chín tại vì mặt trời ở vùng chúng ta không đủ sức nóng. Có lẽ nếu được trồng ở vùng Virginia, nơi mà sức nóng của mặt trời thuận lợi thì có lẽ*

sẽ có kết quả tốt đẹp hơn, tuy nhiên tôi e rằng cũng rất khó mà có thể kiếm được một ít hạt giống của loại lúa này tại Paris.

2- Tôi nghe nói rằng ở đảo Isle de France, sau khi ông Pierre Poivre ra đi, việc trồng trọt đã bị bỏ bê, người ta đã trồng lẫn lộn loại lúa này với loại lúa thông thường tại đây..

Ông de La Luzerne có thể nói rõ hơn cho ông biết về vấn đề này.

Tôi hy vọng rằng ông sẽ nhận lời đến viếng thăm tôi vào thứ Tư tuần tới và do đó tôi đã mời hai người từ nước này đến nhà tôi, họ có đủ điều kiện để làm sáng tỏ những điều mà ông muốn biết..

Trân trọng,

L. Malesherbe “<sup>36</sup>

Không rõ Thomas Jefferson có đến gặp ông Malesherbes hay không vì đó là bức thư cuối cùng trong tập Thư Tín của Thomas Jefferson có đề cập đến vấn đề lúa giống của xứ Cochinchina. Trong toàn bộ *Papers của Thomas Jefferson*, ông đã nhắc đến danh từ “*Xứ Cochinchina*” tất cả là 9 lần, nhắc đến tên của *Pierre Poivre* tất cả là 3 lần và chỉ có một lần có đề cập đến “*the young prince of that country*” tức là Hoàng Tử Cảnh.

Thomas Jefferson không nói rõ đã gặp Hoàng Tử Cảnh trong trường hợp nào, trong thời gian nào và gặp bao nhiêu lần, tuy nhiên chúng ta có thể đoán được rằng ông đã gặp cậu Le Petit Prince này vào những buổi tiệc tùng lễ lạc mà Hoàng Hậu Marie-Antoinette tổ chức hàng đêm hoặc là tại các *salons* về chính trị hay văn nghệ tại Paris mà ông Sứ Thần Thomas Jefferson vẫn thường xuyên tham dự. Hoàng Tử Cảnh không nói được tiếng Pháp hoặc là nói chưa giỏi lắm cho nên có lẽ khi ông Thomas Jefferson nhờ mua hay xin hạt lúa giống thì người thông dịch cũng như là giám hộ phải là Giám mục Bá Đa Lộc.

Đối với người Việt Nam như là Hoàng Tử Cảnh và một người Pháp đang sống ở Việt Nam như là Giám mục Bá Đa Lộc thì chuyện tặng vài bao lúa giống cũng chẳng lấy gì làm quan trọng cho lắm, cho nên dĩ nhiên là cả Hoàng Tử Cảnh cũng như là Giám mục Bá Đa Lộc đều hứa hẹn sẽ tặng lúa giống cho Thomas Jefferson. Tuy nhiên Hoàng Tử Cảnh lúc đó mới có 8 tuổi và có lẽ hai năm sau khi về đến Việt Nam thì cậu bé này đã quên bẵng đi người bạn Mỹ cũng như là lời hứa hẹn về chuyện tặng vài bao lúa cho người bạn mới quen này.

Còn về phần Bá Đa Lộc thì ông ta là người Pháp, ông đã tìm mọi cách để ngăn không cho người Anh, người Hòa Lan, người Bồ Đào Nha v. v. vào hoạt động ở Xứ Đàng Trong, ông đã quyên góp trong gia đình được trên 15,000 quan để giúp cho Nguyễn Ánh vì chỉ muốn dành độc quyền ảnh hưởng tại Việt Nam cho nước Pháp của ông mà thôi thì không vì lý do gì ông lại thực hiện một lời hứa với một người Mỹ

chẳng qua chỉ vì lịch sử và ngoại giao cần phải có trong khi vận động cho sứ mạng của ông tại Pháp. Có lẽ cũng vì lý do đó mà dường như Bá Đa Lộc không hề nhắc nhở gì đến chuyện Thomas Jefferson, không hề nhắc nhở gì đến nước Mỹ với Nguyễn Ánh.

\*

\*

\*

Như vậy, có thể nói rằng Hoàng Tử Cảnh là người Việt Nam đầu tiên đã gặp gỡ người Mỹ đầu tiên là ông Thomas Jefferson tại Paris vào năm 1787. Khoảng 7 năm sau, hoàng tử được phong làm Đông Cung Thái Tử vào năm 1794 rồi qua đời vào năm 1801 vì bệnh đậu mùa và ông Thomas Jefferson cũng đắc cử vào chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ vào năm 1801. Ông là vị tổng thống thứ ba của nước Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Vào năm 1787, vị hoàng tử của Xứ Đàng Trong mới lên 7 tuổi có hứa hẹn sẽ tặng một vài bao lúa giống cho một người Mỹ ở Paris, lời hứa hẹn đó không hề được thực hiện, tuy nhiên đến 170 năm sau thì nước Mỹ lại tặng cho người Việt Nam hàng triệu tấn gạo. Vào năm 1954, Tổng Thống Hoa Kỳ *Dwight D. Eisenhower* đã thiết lập *Food For Peace Program* (Chương Trình Thực Phẩm Phụng Sự Hòa Bình) nhằm mục đích viện trợ gạo giúp cho nhân dân những quốc gia kém phát triển (under-developed countries) và những quốc gia đang bị Cộng sản xâm lược trên thế giới, trong số đó có Việt Nam Cộng Hòa. Ấu đó cũng là căn duyên vì tuy không hề nhận được một hạt lúa giống nào của Xứ Đàng Trong hồi thế kỷ thứ 18, nhưng từ năm 1955 cho đến năm 1975 thì nhân dân Hoa Kỳ đã viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa, tức là vùng lãnh thổ mà trước đó hai thế kỷ được gọi là Xứ Đàng Trong, một số lượng gạo hạt tròn và gạo hạt dài tổng số lên đến mấy triệu tấn.



Vào tháng 5 năm 1803, chiếc thương thuyền đầu tiên của Hoa Kỳ mang tên là *Fame* đã đến viếng thăm Việt Nam, bỏ neo tại Vịnh Turon (Đà Nẵng) và Thuyền

Trưởng *Jeremiah Briggs* đã đi ra viếng thăm Huế trong 3 ngày. Trong cuốn nhật ký hải hành của tàu Fame vẫn còn được lưu giữ, Thuyền trưởng Briggs ghi lại rằng Vua Gia Long có gửi một vị cố đạo người Pháp đến hỏi thăm ông về nước Hoa Kỳ, như vậy thì có lẽ lúc đó nhà vua không biết gì nhiều về quốc gia này.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc, Tổng Thống Hoa Kỳ Thomas Jefferson lúc đó không được biết về chuyến đi này của thuyền trưởng Briggs vì nếu biết thì có lẽ ông đã nghĩ đến việc nối lại sự liên lạc với người bạn nhỏ Le Petit Prince mà ông đã gặp gỡ tại Paris khoảng hơn 15 năm về trước mà nếu còn sống thì đã trở thành Đông Cung Thái Tử của nước Cochinchina...

Đó cũng là một điều thật đáng tiếc cho Vua Gia Long vì nếu nhà vua biết rằng cái vị tổng thống của nước Hoa Kỳ vào thời gian đó lại có quen biết với con trai của ông hồi mới 7 tuổi tại Paris thì có lẽ ông đã nhân dịp này mà làm một vài cử chỉ thân thiện, chẳng hạn như đích thân mời thuyền trưởng Jeremiah Briggs vào cung thăm hỏi về nước Mỹ thay vì nhờ một ông linh mục người Pháp, chẳng hạn như viết thư bày tỏ tình hữu nghị với một người có quen biết với con trai của ông bây giờ đang là vị nguyên thủ của quốc gia Hoa Kỳ v.v.

Nếu lúc đó Vua Gia Long và vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ là Thomas Jefferson có liên lạc với nhau thì có lẽ mối bang giao giữa hai nước Hoa Kỳ và Việt Nam có thể đã có nhiều thay đổi ngay từ đầu thế kỷ thứ 19 chứ không cần phải đợi đến một thế kỷ rưỡi về sau, vào năm 1950, khi chính phủ của vị tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ là *Harry S. Truman* lần đầu tiên chính thức thừa nhận *Quốc Gia Việt Nam* lúc bấy giờ do hậu duệ của Vua Gia Long là Cựu Hoàng Bảo Đại làm quốc trưởng.

## ***Trần Đông Phong***

California, mùa Xuân 2007

---

<sup>1</sup> Đây là bản dịch và hiệu đính bằng tiếng Pháp của Trung Tá A. Bonifacy, Giảng Viên Sử Học của Trường Đại Học Hà Nội và cũng là Hội viên của École Française d'Extrême Orient (Trường Viễn Đông Bác Cổ) trong Bulletin des Amis du Vieux Hue, số 3-4 năm 1931, dựa vào ấn bản bằng tiếng Ý in vào năm 1631 tại La Mã.

<sup>2</sup> Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên: “*Ý Nghĩa Chữ Cochinchine*,” trang Web “(<http://namkyluctinh.org>)”.

<sup>3</sup> Dohamide và Dorohiêm : « *Bangsa Champa*, » SEACAEF và Viet Foundation, California 2004, trang 286-287.

<sup>4</sup> *Compagnie des Indes Orientales* (Công ty Đông Ấn) do chính phủ Hoàng gia Pháp thành lập.

<sup>5</sup> Ngô Bắc: “*Quốc Thư Trao Đổi Giữa Vua Louis XIV và Chúa Trịnh Năm 1681*” ( nguồn: Georges Taboulet. Ed. “*La geste Française en Indochine*,” Paris: Adrien-Maisonneuve 1955. Volume I, trang 84-86 . <[gio-o.com](http://gio-o.com)>

<sup>6</sup> Thái Văn Kiểm: “*Chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa qua tài liệu Tây Phương*” trích trong biên khảo « *La Compagnie des Indes Néerlandaises et l'Indochine* » của W. J. M. Buch, đăng trong Bulletin de l'École

---

Francaise d'Extrême Orient, tome XXXVI, année 1936, trang 134. (Thông Luận on Line ngày 30 tháng 7 năm 2007.

<sup>7</sup> Sanford Wexler: “*The Vietnam War: An Eyewitness History*,” Facts On File, Inc., New York, NY 10016, 1992. Trang 1-2.

<sup>8</sup> *Les Européens Qui Ont Vu le Vieux Hue: Thomas Bowyear (1695-1696)*, traduction par Mme Mir, Bulletin des Amis du Vieux Hue, Avril-Juin 1920.

<sup>9</sup> *Relation des Missions et des Voyages des Évêques Vicaires Apostoliques et de leurs Ecclésiastiques ès Anées 1672, 1673, 1674 et 1675*, Charles Angot, Paris 1680, pages 257-258.

<sup>10</sup> W. Appleman Williams, Thomas McCormick, Lloyd Garner and Walter LaFeber: “*America In Vietnam: A Documentary History*,” Anchor Press/Doubleday, Garden City NY, 1985. Trang 3-4.

<sup>11</sup> W. Appleman Williams, Thomas McCormick, Lloyd Garner and Walter LaFeber: sdd, trang 4.

<sup>12</sup> *Thomas Jefferson and His World*, American Heritage Publishing Co., Inc. New York, 1960, trang 96.

<sup>13</sup> *Thomas Jefferson and his World*: trang 81.

<sup>14</sup> Noble E. Cunningham: “*In Pursuit of Reason: the Life of Thomas Jefferson*,” Louisiana State University Press, Baton Rouge 1987, trang 110.

<sup>15</sup> *The Papers of Thomas Jefferson*, Princeton University Press, Princeton, N.J., 1958, Volume 11, trang 645-646.

<sup>16</sup> The Papers of Thomas Jefferson: Volume 12, trang 507-508.

<sup>17</sup> Nguyễn Lý Tưởng: “*Đưa Em Tôi Chôn Nhà Hồ*,” tác giả xuất bản, Westminster, California 2005, trang 12-13.

<sup>18</sup> Võ Thu Tịnh: “*Sự Thật Trong Vụ Pháp Giúp Nguyễn Ánh Khôi Phục Miền Nam*,” [www.vothutinh.net](http://www.vothutinh.net)

<sup>19</sup> Hoàng Cơ Thụy: “*Việt Sử Khảo Luận*” cuốn 2, Nam Á, Paris năm 2002, trang 893.

<sup>20</sup> Archives des Missions Étrangères de Paris: *Pierre Joseph Pigneau de Béhaine*.

<sup>21</sup> Ghi chú của người viết: Cựu Hoàng Bảo Đại viết cuốn hồi ký *Le Dragon d'Annam* nguyên văn bằng tiếng Pháp, khi cuốn sách này được dịch sang Việt ngữ thì lấy tên là “*Con Rồng Việt Nam*” và những dịch giả đã dịch chữ Cochinchine thành Nam Kỳ. Điều này không được chính xác vì lúc đó, vào cuối thế kỷ thứ 18, chưa có Nam Kỳ, phải dịch là *Xứ Đàng Trong* mới đúng.

<sup>22</sup> Bảo Đại: “*Con Rồng Việt Nam*,” Nguyễn Phước Tộc xuất bản, California 1990, trang 30-31.

<sup>23</sup> Nguyễn Thị Chân Quỳnh: “*Đông Cung Nhứt Trình*,” Tạp Chí *Chim Việt Cảnh Nam* (Pháp) số 24, ngày 15 tháng 8 năm 2006. Bức hình của Hoàng Tử Cảnh cũng được trích từ bài viết này.

<sup>24</sup> Nhà Xuất bản Nghiên Cứu Sử Địa: “*Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều*,” Montréal 1986, trang 31.

<sup>25</sup> *Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều*, trang 45.

---

<sup>26</sup> Archives des Missions Étrangères de Paris: *Pierre Joseph Pigneau de Béhaine*.

<sup>27</sup> Bảo Đại: “*Con Rồng Việt Nam*,” Nguyễn Phước Tộc xuất bản, California 1990, trang 21.

<sup>28</sup> Võ Thu Tịnh: bài đã dẫn.

<sup>29</sup> Hoàng Cơ Thụy: “*Việt Sử Khảo Luận*” cuốn 2, trang 793: đoạn này trích trong “*Histoire Moderne du Pays d’An Nam*,” của Charles Maybon, trang 226.

<sup>30</sup> Nguyễn Thị Chân Quỳnh: bài đã dẫn.

<sup>31</sup> Marguerite Eyer Wilbur: “*Thomas Jefferson, Apostle of Liberty*,” Liveright Publishing Corporation, NY, 1962, trang 163-164.

<sup>32</sup> *The Papers of Thomas Jefferson*: Volume 14, trang 636-637.

<sup>33</sup> Lê Văn Hảo: “*Việt Nam Văn Hiến Ngàn Năm: Thời Tiền Nguyễn (1558-1777) hay Hai Thế Kỷ Hình Thành và Bước Đầu Hưng Khởi của Nền Văn Hóa Phú Xuân*,” Thông Luận On Line 12-12-2006.

<sup>34</sup> Linh Mục L. Cadière: “*Quelques Figures de la Cour de Võ Vương*,” dựa vào cuốn hồi ký “*Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine*,” trong Bulletin des Amis du Vieux Hue, số 4, tháng 10 năm 1918.

<sup>35</sup> *The Papers of T. Jefferson*: Bộ 14, trang 640-641.

<sup>36</sup> *The Papers of Thomas Jefferson*: Bộ 14, trang 647-648.